

Số: 01 /BC-BTP

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO**Tổng kết công tác tư pháp năm 2021
và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2022**

Năm 2021 diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, là năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tổ chức bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Đây là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) 10 năm 2021-2030 và các kế hoạch 05 năm 2021-2025; cũng là năm, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động hết sức tiêu cực và kéo dài.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là ban hành những quyết sách đặc thù trong phòng, chống dịch, phát triển KTXH, bảo đảm an sinh xã hội; sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ, tham gia tích cực của các Bộ, ngành và cấp ủy, chính quyền địa phương, tiếp nối những kết quả đạt được, năm 2021, toàn ngành Tư pháp đã đoàn kết, trách nhiệm, nỗ lực vượt khó, hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao, chung tay cùng hệ thống chính trị trong giải quyết các vấn đề phát sinh do dịch bệnh Covid-19, đóng góp thiết thực vào sự phát triển KTXH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng chống tham nhũng, cải cách tư pháp, đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo từ các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Báo cáo này tập trung đánh giá kết quả công tác tư pháp năm 2021, làm rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2022.

Phần thứ nhất:**TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2021****I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành Tư pháp đã tiếp tục bám sát mục tiêu phát triển KTXH của Đảng, Quốc hội; quan điểm chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ¹ với phương châm “*Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới sáng tạo, quyết liệt hành động, khát vọng phát triển*”; gắn chặt với sự chỉ đạo

¹ Như: tại Hội nghị toàn quốc về triển khai công tác tư pháp năm 2021, định hướng nhiệm kỳ 2021-2025; Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 16/4/2021 của Chính phủ về triển khai công việc của Chính phủ sau khi được kiện toàn tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV; các nội dung kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 140/TB-VPCP ngày 01/6/2021 của Văn phòng Chính phủ...

và điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương. Đặc biệt là các nhiệm vụ được xác định trong Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị toàn quốc về triển khai công tác tư pháp năm 2021, định hướng nhiệm kỳ 2021-2025 và các nội dung kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với Bộ Tư pháp đã tạo cơ sở quan trọng, là động lực thúc đẩy thực hiện chỉ đạo, điều hành công tác tư pháp một cách linh hoạt, toàn diện, nổi bật là:

- Các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo công tác được Bộ, ngành Tư pháp chủ động xây dựng, ban hành sớm để cụ thể hóa các nhiệm vụ được giao, như: Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Chương trình hành động nhiệm kỳ triển khai Nghị quyết phát triển KTXH 05 năm (2021-2026); Chương trình hành động của ngành Tư pháp thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2021 của Chính phủ và nhiều Chương trình, kế hoạch khác².... Đồng thời, hoàn thành 100% các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thêm³.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Bộ, ngành Tư pháp có nhiều đổi mới, tăng cường các cuộc họp, chỉ đạo trực tuyến; đồng thời, cũng linh hoạt, đẩy nhanh tiến độ công việc, đáp ứng công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trong nhiệm kỳ mới; tăng cường thực hiện cải cách hành chính và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO trong việc thực hiện công tác chuyên môn, giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho người dân, doanh nghiệp; kịp thời hướng dẫn chuyên môn đối với các cơ quan tư pháp, thi hành án dân sự (THADS) địa phương trong tiếp nhận, giải quyết yêu cầu của người dân, doanh nghiệp được an toàn, thông suốt, hiệu quả trong bối cảnh thực hiện giãn cách của cơ quan có thẩm quyền⁴. Đặc biệt, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm tiết kiệm, chống lãng phí và tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo rà soát, lồng ghép, điều chỉnh các chương trình/kế hoạch công tác, cắt giảm tối đa các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, kiểm tra, khảo sát trực tiếp để phù hợp với tình hình dịch bệnh và yêu cầu thực tiễn từng địa phương.

- Tại các bộ, ngành, địa phương, Tổ chức pháp chế, Sở Tư pháp đã kịp thời tham mưu ban hành, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch công tác, các văn bản chỉ đạo để cụ thể hoá, nâng cao hiệu quả các nhiệm vụ về công tác tư pháp, pháp chế phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế tại cơ quan, địa phương mình. Đặc

² Chương trình công tác trọng tâm của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính; Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL; các văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các kết luận, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật, về ứng phó với dịch bệnh Covid-19, phát triển KTXH trong bối cảnh mới...

³ Năm 2021, Bộ Tư pháp được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện 117 nhiệm vụ, đã hoàn thành 94 nhiệm vụ, đang tiếp tục thực hiện 23 nhiệm vụ, không có nhiệm vụ quá hạn.

⁴ Như: đã ban hành Công văn số 346/BTP-BTTP ngày 04/02/2021 đề nghị Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg và Công văn số 2601/VPCP-KGVX của Văn phòng Chính phủ về phòng, chống dịch bệnh Covid-19...

biệt, đã tham mưu có trách nhiệm trong việc rà soát các quy định có nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, gây cản trở, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, cũng như tham mưu ý kiến pháp lý đối với các văn bản, vấn đề liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại bộ, ngành, địa phương.

- Công tác phối hợp giữa Bộ Tư pháp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; giữa các Sở Tư pháp, Cục THADS với các sở, ngành được chú trọng thực hiện, qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Việc trao đổi, chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ giữa Bộ Tư pháp với các bộ, ngành, địa phương được thực hiện thông suốt, gắn kết trong chỉ đạo, điều hành công tác tư pháp, pháp chế các cấp. Năm 2021, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận, trả lời theo thẩm quyền 79 phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; tiếp nhận, trả lời 279 kiến nghị, đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ của các bộ, ngành, địa phương (*trong đó, có 149 kiến nghị được gửi qua các báo cáo sơ kết 6 tháng; 130 kiến nghị được gửi qua các báo cáo tổng kết*); đồng thời tổ chức nhiều Hội nghị tập huấn trực tuyến về nghiệp vụ trong các lĩnh vực công tác.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TRONG CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

1.1. Kết quả

a) Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Công tác tham mưu xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật tiếp tục có nhiều kết quả tích cực. Bộ, ngành Tư pháp đã phối hợp với các bộ, ngành và địa phương đã tập trung tham mưu triển khai, thể chế hóa những quan điểm, mục tiêu, định hướng chính sách, nhiệm vụ trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ tham gia tích cực, hiệu quả vào việc xây dựng Định hướng xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

Các bộ, ngành đã tổ chức thực hiện tốt Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021. Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trong việc lập đề nghị, trình Quốc hội thông qua Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, điều chỉnh chương trình năm 2021, trong đó hồ sơ các đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được các bộ, ngành chuẩn bị đầy đủ, kỹ lưỡng và chất lượng hơn. Đặc biệt, các bộ, ngành đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ dành nhiều thời gian, ưu tiên cho công tác xây dựng pháp luật, thảo luận và cho ý kiến về dự thảo VBQPPL tại các Phiên họp thường kỳ và Phiên họp chuyên đề về xây

dựng pháp luật, nhất là tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế, qua đó xác định nhiều phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp quan trọng nhằm tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến mạnh mẽ công tác này trong thời gian tới. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhiều Bộ trưởng, trưởng ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp đã trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, điều hành hoạt động xây dựng thể chế, tổ chức thi hành pháp luật. Điểm nổi bật trong năm là Bộ, ngành Tư pháp đã tập trung nguồn lực kịp thời phối hợp với các cơ quan tham mưu Chính phủ, chính quyền các cấp xây dựng, hoàn thiện các văn bản liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19; các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động bị tác động bởi dịch bệnh.

Trong năm, các bộ, ngành đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua 02 luật⁵, 05 nghị quyết⁶ và cho ý kiến đối với 05 dự án luật khác⁷; đang gấp rút chuẩn bị 04 nội dung trình Quốc hội khóa XV tại kỳ họp bất thường, trong đó có nhiều nội dung quan trọng, liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, phục hồi và phát triển KTXH (như dự án dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự do Bộ Tư pháp phối hợp với các bộ, ngành chuẩn bị; Đề án xây dựng cơ chế, chính sách tài khóa, tiền tệ để hỗ trợ kịp thời triển khai Chương trình phục hồi và phát triển KTXH do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị...). Các bộ, ngành đã trình Chính phủ, Thủ tướng chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền 784 VBQPPL. Ở các địa phương, đã ban hành 3.619 VBQPPL cấp tỉnh (tăng 13,6% so với năm 2020); ban hành 1.891 VBQPPL cấp huyện (tăng 90,8% so với năm 2020); có 2.588 VBQPPL cấp xã được ban hành năm 2021 (giảm 15,9% so với năm 2020).

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021
Bộ, ngành	871	882	784
Cấp tỉnh	4.092	3.186	3.619
Cấp huyện	1.336	991	1.891
Cấp xã	3.740	3.078	2.588

Biểu đồ số 01: Số liệu VBQPPL do bộ, ngành, địa phương ban hành hoặc trình ban hành

⁵ Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục-Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

⁶ Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình năm 2022 và điều chỉnh Chương trình năm 2021; các Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển các tỉnh Nghệ An, Thanh Hoá, Thừa Thiên Huế và thành phố Hải Phòng.

⁷ Gồm: (1) Luật Cảnh sát cơ động; (2) Luật Điện ảnh (sửa đổi); (3) Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi); (4) Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi); (5) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.

Biểu đồ nêu trên cho thấy, số lượng VBQPPL ở địa phương, nhất là cấp huyện, tăng nhiều so với năm 2020 phần nào cho thấy tình hình KTXH, nhất là tác động của dịch bệnh Covid-19 làm phát sinh nhiều vấn đề pháp lý cần phải kịp thời có những quy định điều chỉnh; nhiều văn bản cũng được ban hành liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và điều hành phát triển KTXH ở năm đầu nhiệm kỳ mới.

b) Công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

- Chất lượng công tác thẩm định VBQPPL tiếp tục được nâng cao, tiến độ được bảo đảm. Bên cạnh các khía cạnh pháp lý, nội dung thẩm định đã tập trung đánh giá tác động của các quy định tới đời sống KTXH, nhất là ở những quy định liên quan trực tiếp tới quyền con người, quyền công dân, quyền tự do kinh doanh, đơn giản hóa TTHC nhằm thiết lập môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, thông thoáng, thuận lợi hơn.

Năm 2021, Bộ Tư pháp đã thẩm định 43 đề nghị xây dựng, 232 dự thảo VBQPPL, nổi bật là các nghị định về xử lý vi phạm hành chính và các nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành; đặc biệt, có một số văn bản thẩm định phải tập trung khẩn trương hoàn thành theo yêu cầu của Chính phủ để kịp thời ban hành các quy định ứng phó với dịch bệnh Covid-19⁸. Tổ chức Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ thẩm định 634 dự thảo VBQPPL; các Sở Tư pháp thẩm định 4.904 dự thảo VBQPPL và 1.879 dự thảo VBQPPL do các Phòng Tư pháp thẩm định.

- Công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL tiếp tục được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm. Toàn Ngành đã kiểm tra theo thẩm quyền 12.366 VBQPPL (giảm 6% so với năm 2020). Riêng tại Bộ Tư pháp, đã kiểm tra 3.644 văn bản (gồm 301 văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ; 3.343 văn bản của UBND và UBND cấp tỉnh). Một số bộ, ngành đã chú trọng kiểm tra được nhiều văn bản theo thẩm quyền như: Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Bộ Tư pháp và các bộ, ngành đã tập trung nguồn lực tiếp tục thực hiện rà soát văn bản thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ theo các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ⁹ và Kế hoạch của Tổ công tác

⁸ Như các Báo cáo thẩm định: dự thảo Nghị định (Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch bệnh Covid-19; dự thảo Nghị quyết (Nghị quyết số 03/2021/UBTVQH15 ngày 24/9/2021) của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ...

⁹ Theo Nghị quyết số 94/NQ-CP ngày 20/8/2021 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2021; Công điện số 1079/CD-TTg ngày 14/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát pháp luật để tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, kinh doanh trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp; Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 16/4/2021 của Chính phủ về Phiên họp triển khai công việc của Chính phủ sau khi được kiện toàn tại Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIV; Công văn số 514/TTg-PL ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ gửi các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương “Về rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội”...

của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL¹⁰. Để xử lý các kết quả rà soát đã được thực hiện trong năm 2020, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 07/6/2021 về Danh mục VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới, bao gồm: 16 luật, 12 nghị định, 04 văn bản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành; xây dựng Báo cáo số 112/BC-BTP ngày 18/6/2021 của Bộ Tư pháp về việc báo cáo tình hình rà soát VBQPPL về đầu tư, kinh doanh (theo yêu cầu tại Công văn số 2532/UBKT14 ngày 21/5/2021 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội). Đặc biệt, trước những tác động, diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành đã tiếp tục rà soát pháp luật để tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, kinh doanh và đời sống nhân dân theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ¹¹. Theo thống kê, toàn Ngành đã tập trung rà soát được **29.955** VBQPPL (*giảm 9% so với năm 2020*), kiến nghị xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) đối với **5.581** văn bản (*tăng 15,9% so với năm 2020*). Nhiều bộ, ngành, địa phương đã tập trung rà soát được số lượng lớn văn bản trong năm 2021 như: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công an, Bộ Công thương, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hưng Yên, Nghệ An, Thừa Thiên Huế.

Công tác pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật tiếp tục đạt được những kết quả tích cực. Trong năm qua, Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Bộ pháp điển (hiện nay đã hoàn thành pháp điển **223/271** đề mục của Bộ pháp điển); tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, hướng dẫn khai thác và sử dụng Bộ pháp điển để người dân, cơ quan, tổ chức có điều kiện thuận lợi trong việc tra cứu, tìm kiếm các quy định pháp luật, sử dụng hiệu quả Bộ pháp điển.

1.2. Khó khăn, hạn chế

¹⁰ Quyết định số 376/QĐ-TCT ngày 15/3/2021 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL. Kế hoạch đã xác định năm 2021 tổ chức rà soát độc lập, chuyên sâu theo một số nhóm VBQPPL còn hiệu lực do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành, gồm: (i) Quy định pháp luật về đất đai; (ii) Tiếp tục rà soát, nhận diện đầy đủ các tồn tại, hạn chế của quy định pháp luật trước tác động mạnh mẽ, dài hạn của dịch bệnh Covid-19 (iii) Tiếp tục rà soát, nhận diện đầy đủ các tồn tại, hạn chế của quy định pháp luật trước tác động mạnh mẽ, dài hạn của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; (iv) Quy định pháp luật về giáo dục, đào tạo (không bao gồm giáo dục nghề nghiệp); (v) Quy định pháp luật về quản lý giá và thẩm định giá; quy định pháp luật về chi phí trong hoạt động giám định tư pháp.

¹¹ Báo cáo của nhóm rà soát chuyên đề số 02 của Tổ công tác ngày 06/12/2021 về rà soát nhận diện đầy đủ tồn tại, hạn chế của quy định pháp luật trước các tác động mạnh mẽ, dài hạn của đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã tổ chức nghiên cứu, tổng hợp, phân loại đối với 2.004 kiến nghị, phản ánh của các bộ, ngành, địa phương về quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ, không phù hợp với thực tiễn tại 576 VBQPPL do các cơ quan Trung ương ban hành và chuyển các phản ánh, kiến nghị đến các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan ngang bộ theo lĩnh vực quản lý nhà nước để nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý. Trên cơ sở báo cáo kết quả của các đơn vị thuộc Bộ, các bộ, cơ quan ngang bộ về kết quả rà soát, nghiên cứu, xử lý các phản ánh, kiến nghị, Bộ Tư pháp đã có các Báo cáo, Tờ trình sau:

(i) Báo cáo số 226/BC-BTP ngày 12/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý đối với kiến nghị, đề xuất của các bộ, ngành, địa phương về các quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ, không còn phù hợp thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

(ii) Báo cáo số 229/BC-BTP ngày 15/10/2021 và Tờ trình số 48/TTr-BTP của Bộ Tư pháp gửi Thủ tướng Chính phủ về kết quả rà soát, nghiên cứu, xử lý kiến nghị, phản ánh về quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ.

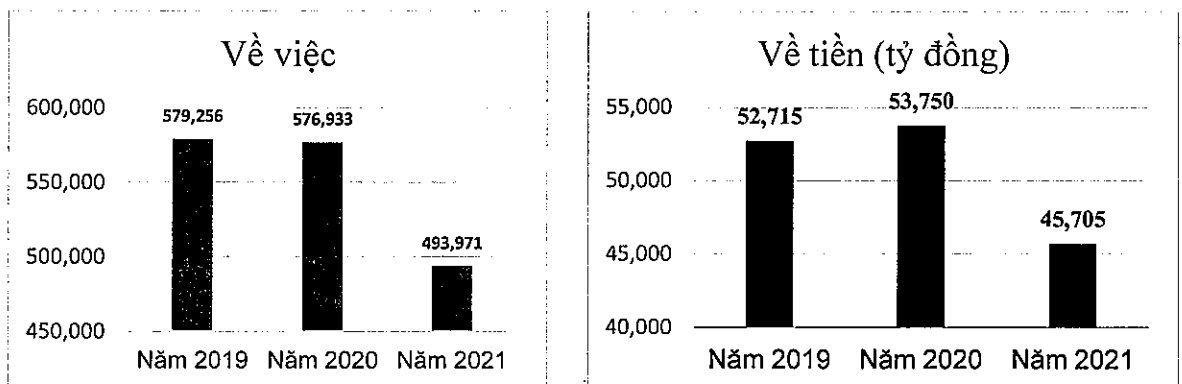
Một số bộ, ngành vẫn chưa thực sự chủ động trong việc lập đề nghị xây dựng các dự án luật để đề xuất vào Chương trình, dẫn tới tình trạng bổ sung vào Chương trình không đảm bảo thời hạn theo quy định, có một số dự án đến sát kỳ họp, phiên họp của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội mới đề nghị bổ sung. Chất lượng hồ sơ một số đề nghị xây dựng, dự án, dự thảo VBQPPL chưa cao. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết để có hiệu lực đồng thời với văn bản được quy định chi tiết vẫn chưa được thực hiện triệt để, vẫn còn **06** văn bản chậm ban hành. Một số VBQPPL của các bộ, ngành, địa phương khi ban hành còn chưa đúng về nội dung, thẩm quyền; tiến độ xử lý văn bản sau rà soát còn rất chậm.

2. Công tác thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính

2.1. Kết quả

Trong năm 2021, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Ban Nội chính Trung ương, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham mưu, trình Ban Bí Thư ban hành Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng kinh tế để triển khai trong toàn hệ thống chính trị và kịp thời tổ chức triển khai Chỉ thị số 04-CT/TW. Nhiều bộ, ngành và các tỉnh, thành phố đã kịp thời ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 04-CT/TW nêu trên, bảo đảm đồng bộ, thống nhất.

Mặc dù dịch bệnh Covid-19 gây trở ngại cho công tác thi hành án nhưng các cơ quan thi hành án dân sự (THADS) đã nỗ lực thi hành xong **493.971** việc với trên **45.705** tỷ đồng, trong đó có hơn **4.000** tỷ đồng từ các vụ việc thuộc diện Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực theo dõi. Việc xử lý các vụ việc phức tạp, kéo dài, xử lý thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế và án tín dụng, ngân hàng tiếp tục được Lãnh đạo các cấp, các ngành liên quan quan tâm và tập trung chỉ đạo quyết liệt. Việc phối hợp với các ngành Nội chính, Tòa án, Kiểm sát, Công an, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội trong hoạt động THADS tiếp tục được thực hiện kịp thời, chặt chẽ, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành án. Ban chỉ đạo THADS các cấp tiếp tục được rà soát, kiện toàn, kịp thời giải quyết nhiều vụ việc phức tạp.



Biểu đồ số 02: Số liệu kết quả thi hành án dân sự

Các cơ quan THADS đã thực hiện nghiêm việc theo dõi thi hành án hành chính (THAHC) theo quy định, kết quả THAHC có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2021, cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước phải thi hành **944** bản án, quyết định về vụ án hành chính; kết quả: đã thi hành xong **455** việc (tăng 92 việc so với năm 2020).

2.2. Khó khăn, hạn chế

- Kết quả thi hành về việc, về tiền của toàn Hệ thống giảm so với năm 2020 (thấp hơn 5,60% về việc; 9,05% về tiền), trong đó có một số địa phương kết quả thi hành đạt thấp, không hoàn thành cả 2 chỉ tiêu về việc, về tiền¹². Kết quả thu hồi các khoản nợ của các tổ chức tín dụng, kết quả thu hồi tiền, tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế vẫn còn thấp so với yêu cầu.

- Vẫn còn trường hợp ra quyết định thi hành án thiếu chính xác phải thu hồi, hủy bỏ (413/564.390 quyết định, chiếm tỷ lệ 0,07%); tình trạng vi phạm trong quá trình tổ chức thi hành vẫn chưa được khắc phục triệt để. Việc xác minh, phân loại án ở một số địa phương vẫn còn chưa chính xác, vi phạm về thời hạn.

3. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường nhà nước

3.1. Kết quả

a) Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực

Công tác quản lý nhà nước về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực tiếp tục được tăng cường. Bộ Tư pháp, các Sở Tư pháp đã tích cực, chủ động hướng dẫn thực hiện thống nhất, với tinh thần hỗ trợ, linh hoạt tối đa về công tác khai sinh, khai tử, đăng ký kết hôn, chứng thực cho người dân, đặc biệt tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội; kịp thời thực hiện đăng ký giám hộ, chăm sóc, hỗ trợ trẻ bị mồ côi, không có người nuôi dưỡng do mất cha, mẹ, người thân thích bởi dịch bệnh Covid-19; các địa phương đã có nhiều mô hình, cách làm hay để kịp thời giải quyết yêu cầu của người dân, doanh nghiệp¹³.

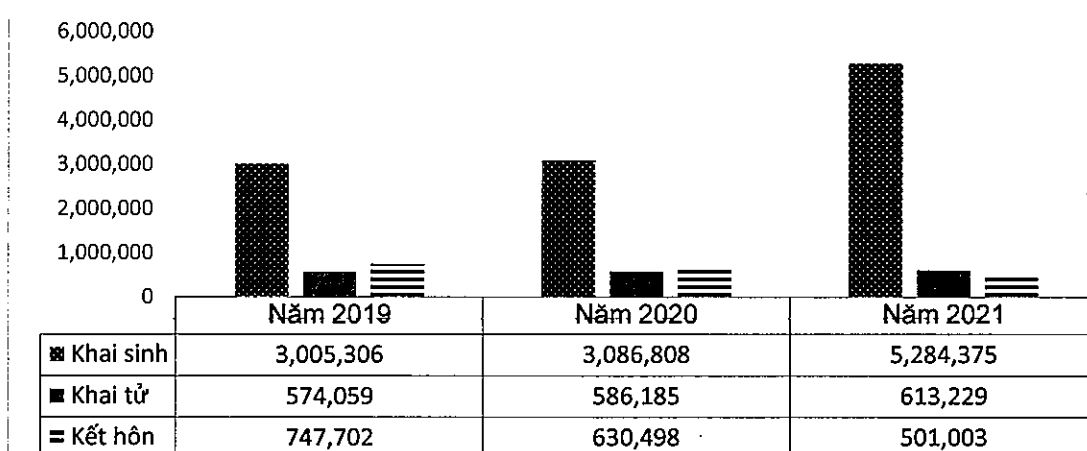
Việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký, thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024, gắn với thực hiện Luật Hộ tịch tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng; Đoàn đại biểu Bộ Tư pháp Việt Nam đã tham gia chủ động, hiệu quả vào sự thành công của Hội nghị cấp Bộ trưởng lần thứ hai về đăng ký và thống kê hộ tịch khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Việc thực hiện Đề án Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc được đẩy mạnh.

¹² Chẳng hạn như: Bình Phước, Bình Thuận, Đà Nẵng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Ninh Thuận, Phú Thọ, Phú Yên, Sóc Trăng, Tây Ninh, Trà Vinh.

¹³ Như: Trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tỉnh An Giang vận dụng tối đa các hình thức tư vấn cho khoảng 900 trường hợp qua facebook của Sở Tư pháp, đường dây nóng, zalo, điện thoại, văn bản; thành phố Đà Nẵng duy trì thực hiện trao giấy khai sinh, thẻ bảo hiểm y tế, hộ khẩu tại gia đình trẻ em và công tác chính quyền thăm viếng, chia buồn và đăng ký khai tử tại gia đình công dân trên địa bàn.

Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử triển khai tại 63 tỉnh/thành đã ghi nhận có trên 21,2 triệu dữ liệu khai sinh với trên 6,4 triệu dữ liệu khai sinh đủ điều kiện, đã được Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về dân cư cấp số định danh cá nhân; trên 2,7 triệu dữ liệu khai sinh của trẻ em dưới 6 tuổi đã được chuyển thành công sang CSDLQG về bảo hiểm để cấp thẻ BHYT; trên 4,2 triệu dữ liệu kết hôn; trên 03 triệu dữ liệu khai tử; và trên 5,6 triệu hồ sơ đăng ký các sự kiện hộ tịch khác.

Năm 2021, số lượng đăng ký khai sinh tăng cao do nhiều công dân thực hiện đăng ký mới (quá hạn) và đăng ký lại để làm căn cước công dân, cụ thể: đã thực hiện đăng ký khai sinh mới cho 2.754.290 trường hợp (tăng 33,8% so với năm 2020), đăng ký khai sinh lại cho 2.526.820 trường hợp (tăng 130% so với năm 2020) và 3.265 trường hợp khai sinh có yếu tố nước ngoài (giảm 37,7% so với năm 2020). Các cơ quan đăng ký hộ tịch cũng đã đăng ký khai tử cho tổng số 613.229 trường hợp (tăng 4,6% so với năm 2020); đăng ký kết hôn cho tổng số 501.003 cặp (giảm 20,5% so với năm 2020), trong đó có 471.377 trường hợp đăng ký mới, 26.878 trường hợp đăng ký lại và 2.748 trường hợp có yếu tố nước ngoài (giảm gần 63% so với năm 2020).



Biểu đồ số 03: Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn (bao gồm cả đăng ký mới, đăng ký lại và các trường hợp có yếu tố nước ngoài)

Bộ Tư pháp đã kịp thời trình Chủ tịch nước giải quyết 4.966 hồ sơ¹⁴ về công tác quốc tịch; đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ cho phép gia hạn thời gian thực hiện Tiêu Đề án 2 “Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về nước” đến hết năm 2025 để tiếp tục giải quyết vấn đề quốc tịch, hộ tịch cho người di cư tự do từ Campuchia đã về cư trú ổn định tại Việt Nam lâu năm mà chưa được giải quyết.

Trên toàn quốc đã chứng thực trên 81 triệu bản sao (giảm 15% so với năm 2020); thực hiện được gần 07 triệu việc chứng thực hợp đồng, giao dịch, chữ ký

¹⁴ Trong đó, bao gồm 4.883 trường hợp xin thôi quốc tịch Việt Nam; 03 trường hợp xin trở lại quốc tịch Việt Nam; 80 trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam.

và các văn bản thỏa thuận khác (*giảm 12,5% so với năm 2020*), đáp ứng kịp thời yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

b) Công tác nuôi con nuôi

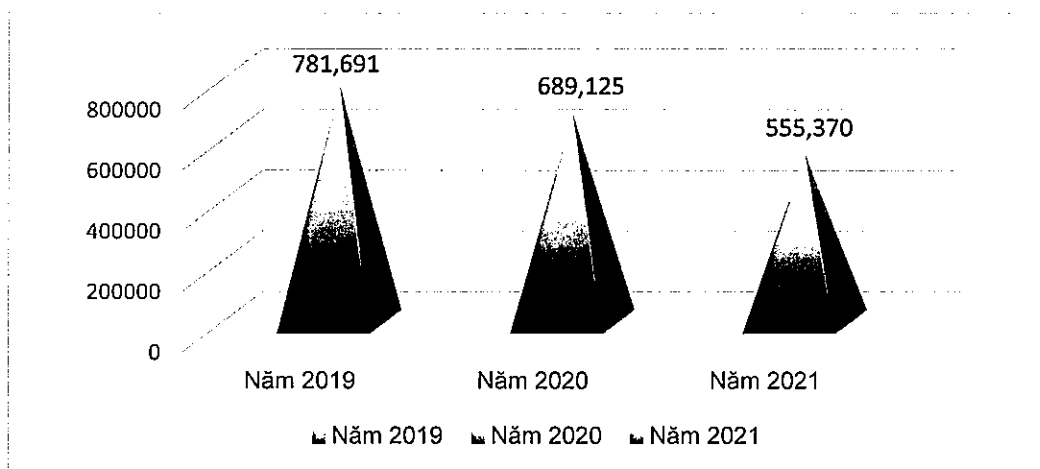
Toàn Ngành tiếp tục thực hiện tốt Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành; Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quy chế số 721/QC-BTP-BLĐTBXH ngày 14/3/2016 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Công tác giải quyết việc nuôi con nuôi đã giúp nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tìm được gia đình thay thế, thể hiện sâu sắc ý nghĩa nhân văn của công tác này. Trong năm, toàn Ngành đã tổ chức tổng kết 10 năm thi hành Luật Nuôi con nuôi và Công ước La Hay 1993. Đặc biệt, ngay khi tình hình dịch bệnh Covid-19 tại thành phố Hồ Chí Minh được kiểm soát, Bộ Tư pháp đã cùng với các Bộ: Công an, Quốc phòng, Ngoại giao, Y tế, Giao thông vận tải, Lao động-Thương binh và Xã hội và phối hợp với UBND 22 tỉnh/thành phố có liên quan tổ chức Lễ giao nhận con nuôi đợt 2 tại thành phố Hồ Chí Minh cho 91 gia đình thuộc 08 nước châu Âu.

Theo thống kê, năm 2021, trên toàn quốc đã giải quyết **2.136** trường hợp nuôi con nuôi trong nước (*giảm 514 trường hợp so với năm 2020*); **135** trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (*giảm 79 trường hợp so với năm 2020*).

c) Công tác lý lịch tư pháp

Bộ Tư pháp đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan triển khai thực hiện tốt ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về kết quả tổng kết 10 năm thực hiện Luật Lý lịch tư pháp (LLTP); phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Quy chế một cửa liên thông trong cấp Phiếu lý lịch tư pháp và giấy phép lao động cho người nước ngoài. Hoạt động xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác Cơ sở dữ liệu LLTP được quan tâm, chú trọng; hệ thống Phần mềm hỗ trợ tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP tại Trung tâm LLTP quốc gia và các Sở Tư pháp tiếp tục được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu cấp Phiếu của các cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Việc giải quyết các yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp ngày được thực hiện kịp thời hơn. Bộ Tư pháp và các Sở Tư pháp đã cấp được tổng số **555.370** phiếu LLTP (*giảm 19,1% so với năm 2020*), trong đó có 356.838 Phiếu số 1 và 198.532 Phiếu số 2. Bộ Tư pháp đã phối hợp với Cục Hồ sơ nghiệp vụ, Bộ Công an và Công an các tỉnh/thành phố tra cứu, xác minh **475.990** trường hợp cho các Sở Tư pháp cấp Phiếu.



Biểu đồ số 04: Số phiếu lý lịch tư pháp đã cấp

d) Công tác đăng ký biện pháp bảo đảm

Thế chế pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và đăng ký biện pháp bảo đảm tiếp tục được hoàn thiện với việc Chính phủ ban hành Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Sự phối hợp giữa Bộ Tư pháp với các bộ, cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương trong công tác này đã có những bước phát triển tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác đăng ký biện pháp bảo đảm. Với việc hoàn thiện phần mềm đăng ký trực tuyến và áp dụng chữ ký số trong hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm đã góp phần đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trong công tác đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, tạo thuận lợi rất lớn cho người dân, doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh giãn cách xã hội do dịch bệnh Covid-19. Bộ Tư pháp tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm việc giảm 20% phí cho cá nhân, tổ chức khi yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản, tàu biển (trừ tàu máy bay); ước tính đã giảm được khoảng **9.111.443.400** đồng cho các cá nhân, tổ chức đến yêu cầu cung cấp dịch vụ công.

Trong năm 2021, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận và giải quyết **1.036.017** Phiếu đăng ký biện pháp bảo đảm, Phiếu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm¹⁵ (tăng 03% so với cùng kỳ năm 2020). Tỷ lệ Phiếu trực tuyến chiếm **79%** trên tổng số Phiếu đăng ký và Phiếu cung cấp thông tin (tăng 06% so với cùng kỳ năm 2020); có **5.399.566** lượt cá nhân, tổ chức tra cứu thông tin miễn phí trên Hệ thống đăng ký trực tuyến (tăng 66% so với cùng kỳ năm 2020). Bộ Giao thông vận tải giải quyết **362** phiếu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay, tàu biển; các địa phương đã giải quyết **2.785.183** Phiếu đăng ký, cung cấp thông tin

¹⁵ - Phiếu Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên: 670.953 phiếu.

- Phiếu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản để THADS: 6.097 phiếu.

- Phiếu yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông: 358.967 phiếu.

về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tàu bay, tàu biển (*giảm 1,3% so với năm 2020*).

đ) Công tác bồi thường nhà nước

Công tác quản lý nhà nước trong công tác bồi thường nhà nước được tăng cường, chú trọng công tác hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc pháp luật, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường¹⁶; tập trung theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc giải quyết bồi thường; thực hiện hỗ trợ trực tiếp người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường. Công tác phối hợp liên ngành (*Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính*) trong thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được chú trọng, nhất là trong công tác rà soát, lập danh sách các vụ việc giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án trên cơ sở các nguồn thông tin; nhiều vụ việc phức tạp, kéo dài đã được giải quyết dứt điểm, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của công chức trong thực thi công vụ.

3.2. Khó khăn, hạn chế

- Vẫn còn một số vướng mắc trong quá trình sử dụng Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung (cả về vấn đề kết nối hệ thống và các tính năng của phần mềm); tiến độ cấp số định danh cá nhân khi đăng ký khai sinh trong một số trường hợp còn chậm. Chưa có sự phối hợp chủ động, chặt chẽ giữa cơ quan công an và cơ quan tư pháp cùng cấp tại địa phương, dẫn đến tình trạng tăng mạnh số vụ việc đăng ký lại khai sinh/bổ sung/cải chính hộ tịch tại nhiều địa phương khi người dân thực hiện thủ tục cấp căn cước công dân có gắn chíp.

- Vẫn còn tình trạng thỏa thuận cho nhận con nuôi chỉ có giấy tờ viết tay hoặc tự ý đem trẻ em bị bỏ rơi về chăm sóc nuôi dưỡng, hoặc lợi dụng việc cấp giấy chứng sinh để hợp thức “cha mẹ nuôi” thành cha mẹ đẻ mà không thông qua thủ tục đăng ký nuôi con nuôi. Quản lý nhà nước đối với việc nuôi dưỡng trẻ em tại các cơ sở tôn giáo còn chưa chặt chẽ, chưa có chế tài để xử lý đối với các trường hợp không thực hiện biện pháp tìm gia đình thay thế cho trẻ.

- Tình trạng chậm cấp phiếu LLTP vẫn còn, đặc biệt trong một số trường hợp phải phối hợp tra cứu, xác minh thông tin LLTP về án tích do án đã lâu, nhiều cơ quan không còn lưu giữ đầy đủ thông tin. Chưa có giải pháp kết nối Phần mềm dùng chung với Phần mềm tra cứu, xác minh thông tin LLTP.

¹⁶ Năm 2021, Cục Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp) đã ban hành gần 120 văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, hướng dẫn nghiệp vụ, giải đáp vướng mắc pháp luật, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường; thực hiện gần 150 lượt trao đổi, nắm bắt thông tin, tài liệu, tình hình thực tế của vụ việc với các cơ quan, địa phương có liên quan bằng nhiều hình thức phù hợp với yêu cầu của từng vụ việc; tổ chức 06 Hội nghị tập huấn theo hình thức trực tuyến, ứng dụng công nghệ Zoom cho hơn 1100 công chức.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong một số vụ việc còn chưa kịp thời; việc thống nhất quan điểm, nội dung trao đổi, hướng dẫn nghiệp vụ đối với một số trường hợp còn khó khăn, kéo dài cũng làm ảnh hưởng tới tiến độ, hiệu quả công việc¹⁷. Một số Sở Tư pháp còn chưa phát huy hết vai trò của mình trong tham mưu cho UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và công tác giải quyết bồi thường theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

4. Công tác hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

4.1. Kết quả

a) Công tác hỗ trợ tư pháp

Thế chế pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tiếp tục được hoàn thiện¹⁸. Các quy trình, TTHC đối với hoạt động cấp phép trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp tiếp tục được rà soát, chuẩn hoá, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức. Bộ Tư pháp, các Sở Tư pháp đã kịp thời có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp để thích ứng với dịch bệnh. Các tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp ở nhiều địa phương đã bố trí người làm việc luân phiên hoặc thực hiện “ba tại chỗ” để đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

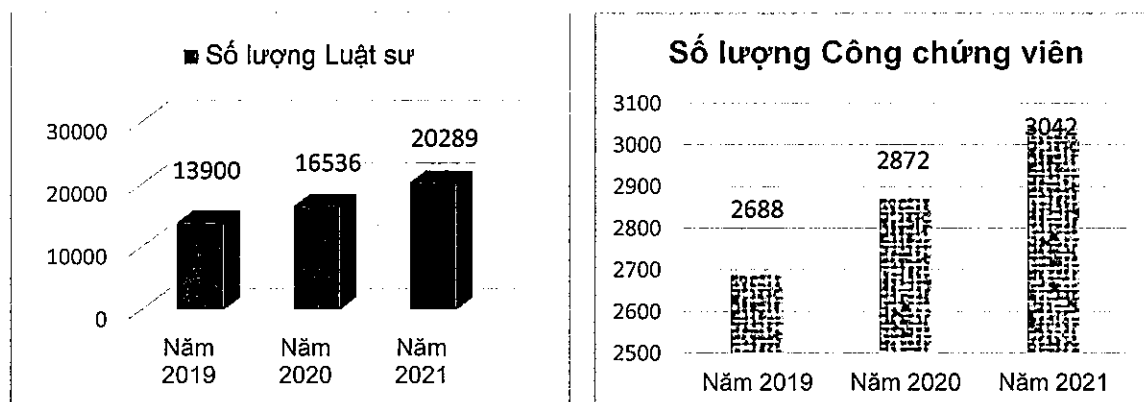
- Trong công tác quản lý hoạt động luật sư, Bộ Tư pháp đã phối hợp với UBND cấp tỉnh hoàn thành việc tổng kết Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020 và đánh giá kết quả 01 năm thực hiện Kết luận số 69-KL/TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động luật sư; phối hợp với Liên đoàn Luật sư Việt Nam hướng dẫn nghiệp vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai Luật Luật sư và các văn bản hướng dẫn thi hành; phối hợp chặt chẽ với Liên đoàn luật sư Việt Nam, UBND thành phố Hà Nội hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan và tổ chức thành công Đại hội luật sư toàn quốc lần thứ ba vào ngày 25-26/12/2021.

Trong năm 2021, Bộ Tư pháp đã cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho **1.005** trường hợp, nâng số luật sư đã được cấp chứng chỉ hành nghề đến nay lên **20.289** người (trong số đó, Liên đoàn Luật sư Việt Nam đã cấp thẻ hành nghề cho 17.760 luật sư); cấp và gia hạn Giấy phép hành nghề tại Việt Nam cho **51**

¹⁷ Như: vụ việc Trần Văn Bích (Cần Thơ).

¹⁸ Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành: Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 thay thế Thông tư số 06/2015/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Công chứng; Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 hướng dẫn một số quy định và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; Thông tư thay thế Thông tư số 19/2013/TT-BTP về tập sự hành nghề luật sư.

luật sư nước ngoài; các luật sư đã thực hiện **69.688** vụ việc (*giảm 14,5% so với năm 2020*), nộp thuế gần **286** tỷ đồng.



Biểu đồ số 05: Số lượng Luật sư, Công chứng viên

- Trong công tác quản lý hoạt động công chứng, Bộ Tư pháp và UBND cấp tỉnh đã tích cực triển khai Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng; thực hiện tổng kết 05 năm thi hành Luật Công chứng; phối hợp với Hiệp hội công chứng viên Việt Nam hướng dẫn đại hội của Hội công chứng viên các địa phương và chuẩn bị tổ chức Đại hội đại biểu công chứng viên toàn quốc lần thứ hai.

Hoạt động công chứng tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch. Năm 2021, Bộ Tư pháp đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại **72** công chứng viên, nâng số lượng công chứng viên hiện nay lên **3.046** người; các tổ chức hành nghề công chứng đã công chứng được **6.264.914** hợp đồng, giao dịch, bản dịch và các loại việc khác (*giảm 1,2% so với năm 2020*), đóng góp cho ngân sách nhà nước hoặc nộp thuế gần **293** tỷ đồng.

- Công tác quản lý hoạt động đấu giá tài sản, trọng tài thương mại được tăng cường, bám sát các quy định pháp luật và Chỉ thị số 40/CT-TTg ngày 02/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý nhà nước trong hoạt động đấu giá tài sản. Cổng Thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản đã từng bước vận hành hiệu quả, góp phần đảm bảo tính công khai minh bạch, khách quan trong hoạt động đấu giá tài sản. Hoạt động của các Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt, định hướng cho hoạt động đấu giá tài sản tại địa phương, góp phần bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, Nhà nước, phòng tránh lãng phí, thất thoát tài sản công.

Năm 2021, Bộ Tư pháp đã cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá viên cho **13** trường hợp, cấp Giấy phép thành lập **04** Trung tâm trọng tài thương mại. Cả nước

hiện có **1.152** Đấu giá viên, có **941** trọng tài viên đang hành nghề; các đấu giá viên đã thực hiện được **24.911** cuộc bán đấu giá thành trong năm 2021 (*tăng 1,9% so với năm 2020*).

- Bộ Tư pháp đã phối hợp với các bộ, ngành để báo cáo Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp ở cấp Trung ương và đề xuất một số nội dung nhiệm vụ trong thời gian tới để tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác này. Các vụ việc giám định được thực hiện kịp thời, khách quan, trong đó có gần 90% vụ việc thực hiện theo yêu cầu của cơ quan tố tụng và nhiều vụ việc để phục vụ giải quyết các vụ án kinh tế, tham nhũng.

- Về lĩnh vực quản lý thanh lý tài sản, hòa giải thương mại, thừa phát lại, năm 2021, Bộ Tư pháp đã chú trọng tập huấn về kiến thức pháp luật, kỹ năng giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại, đầu tư cho các trọng tài viên, hòa giải viên thương mại; công bố danh sách quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; cập nhật, công bố danh sách các trung tâm trọng tài, hòa giải thương mại; cấp Chứng chỉ hành nghề quản tài viên đối với **103** trường hợp; bổ nhiệm thừa phát lại đối với **46** trường hợp; cấp Giấy phép thành lập cho **01** Trung tâm hòa giải thương mại. Một số địa phương đã chủ động ban hành Đề án phát triển Văn phòng Thừa phát lại giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo yêu cầu tại Nghị định số 08/2020/NĐ-CP¹⁹.

b) Công tác trợ giúp pháp lý

Thế chế trong công tác trợ giúp pháp lý (TGPL) tiếp tục có những bước hoàn thiện quan trọng²⁰. Công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng có nhiều chuyển biến tích cực²¹. Công tác truyền thông trong lĩnh vực TGPL tiếp tục được chú trọng²².

¹⁹ Như: Long An, Yên Bái, Nghệ An, Tuyên Quang, Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Lào Cai, Tây Ninh, Điện Biên, Thanh Hóa, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Bình Phước, An Giang, Đắk Lắk, Bình Định.

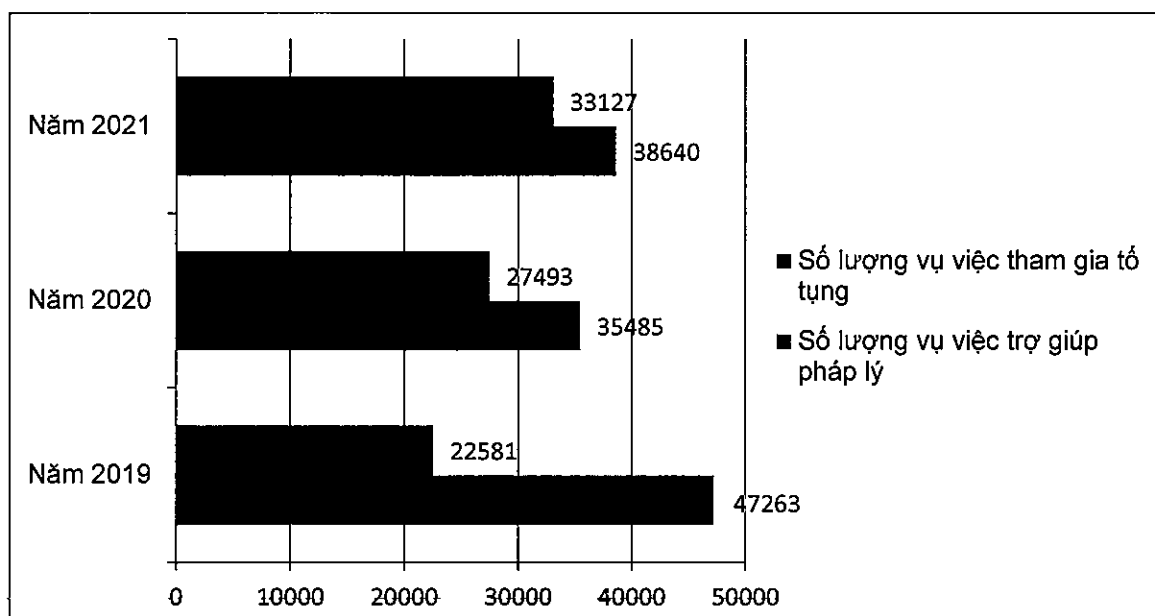
²⁰ Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 02/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 hướng dẫn cách tính thời gian theo buổi làm việc thực tế và khoán vụ việc trợ giúp pháp lý; Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 25/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý, hướng dẫn tờ khai trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

²¹ Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao đã thực hiện thủ tục ký nháy Chương trình phối hợp giữa Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao về người thực hiện TGPL trực tại Tòa án; Thông tư liên tịch số 05/2021/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTP ngày 15/12/2021 của TAND tối cao, VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành tổ chức phiên tòa trực tuyến, trong đó có nội dung về trợ giúp pháp lý.

²² Phối hợp với các Đài Truyền hình phát sóng các chương trình về TGPL: Phóng sự TGPL - công cụ bảo vệ các nhóm yếu thế trên kênh Truyền hình Quốc hội; phóng sự về TGPL trên chuyên mục Thời sự của Truyền hình Quốc hội; Phát sóng 02 phóng sự trên kênh VTV2 Đài Truyền hình Việt Nam gồm: (1) TGPL cho người chưa thành niên, (2) Phóng sự TGPL cho nạn nhân bị mua bán người; Phát sóng nội dung thông điệp TGPL trên Đài Tiếng nói Việt Nam VOV... Đặc biệt, nhân kỷ niệm 24 năm Ngày thành lập hệ thống tổ chức TGPL Việt Nam (06/9/1997 – 06/9/2021), Đài Truyền hình VTV1 đã phát sóng phóng sự về hoạt động TGPL trong Chương trình

Bộ đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc) để đề xuất đưa nội dung TGPL vào 03 Chương trình mục tiêu quốc gia²³.

Các Trung tâm TGPL trong cả nước đã thực hiện việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý, vì vậy, mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 nhưng số lượng vụ việc TGPL tăng, đặc biệt là vụ việc tham gia tố tụng trong năm 2021 tăng cao so với cùng kỳ năm 2020. Các Trung tâm TGPL đã nỗ lực tham gia **38.640** vụ việc; trong đó có **33.127** vụ việc tham gia tố tụng (*chiếm 85,7% tổng số vụ việc, tăng 20,5% so với năm 2020*).



Biểu đồ số 06: Số lượng vụ việc trợ giúp pháp lý

Hầu hết các vụ việc được thẩm định, đánh giá đều đạt chất lượng trở lên. Các địa phương có số lượng vụ việc tham gia tố tụng tăng rất cao như: Thái Nguyên (tăng 220%); Sóc Trăng (tăng 174%); Cao Bằng (tăng 93%); Khánh Hòa (tăng 89%); Điện Biên (tăng 62%); Thừa Thiên Huế (tăng 59%)...

c) Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được các bộ, ngành, địa phương quan tâm triển khai, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp. Với mục đích góp phần hạn chế rủi ro, vướng

thời sự lúc 12h ngày 04/9/2021; xây dựng nội dung về “24 năm phát triển TGPL, phù hợp với từng nhóm đối tượng” trên Báo PLVN...

²³ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, trong đó có nội dung TGPL.

mắc pháp lý trong kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tích cực triển khai Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025²⁴. Nhiều bộ, ngành, địa phương đã ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025²⁵.

Nhiều hoạt động như Chương trình "Kinh doanh và Pháp luật" trên Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam; Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên Đài Truyền hình Quốc hội; Tọa đàm, tập huấn, hỗ trợ pháp lý trực tuyến gắn với phục hồi kinh tế sau dịch bệnh đã được tổ chức, thu hút sự quan tâm của nhiều doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng đề ban hành Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quyết toán và sử dụng kinh phí cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

4.2. Khó khăn, hạn chế

- Hoạt động của một số tổ chức hành nghề luật sư, công chứng, đấu giá tài sản... còn có sai phạm, vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, gây ảnh hưởng đến uy tín hoạt động hành nghề trong xã hội. Còn tình trạng văn bản công chứng "khổng" trong hoạt động công chứng và hành vi cố tình lẩn tránh việc công khai về đấu giá tài sản; tình trạng không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ về tổ chức, hoạt động của một số tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp vẫn còn khá phổ biến²⁶.

- Việc tiếp nhận và thực hiện TGPL cho người dân gặp nhiều khó khăn, đặc biệt tại các tỉnh/thành phố chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19 như: Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai... Một số ít cơ quan tiến hành tố tụng còn chưa quan tâm đầy đủ, chưa thực hiện hết trách nhiệm trong việc giải thích, hướng dẫn về quyền được TGPL trong các vụ việc tố tụng.

- Chất lượng một số hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa cao, chưa đồng đều giữa các bộ, ngành và địa phương. Công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn ít, một số bộ ngành và địa phương vẫn chưa thực sự quan tâm và chủ động trong việc triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (Ví dụ: Điều 9 của Nghị định số 55/2019/NĐ-CP quy định doanh nghiệp tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật theo lĩnh vực của các bộ, cơ quan ngang bộ; tuy nhiên, trên thực tế, đến nay mới chỉ có Bộ Tư pháp và Bộ Công Thương đã phê duyệt Danh sách mạng lưới tư vấn viên pháp luật).

²⁴ Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 19/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁵ Như: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Bắc Ninh; Thái Bình; Phú Thọ; Cà Mau; Kon Tum; Kiên Giang; Quảng Nam; Long An; Đắk Nông; Đắk Lắk; Hải Phòng; Nghệ An; Quảng Bình; Quảng Ninh; Sóc Trăng; Bình Định; Quảng Ngãi; Hà Nội; Vĩnh Phúc...

²⁶ Như: tại Hà Nội (chỉ có 218/1.509 tổ chức hành nghề luật sư báo cáo, chỉ đạt 14,4%) và TP.HCM (chỉ có 877/1.891 tổ chức hành nghề luật sư báo cáo, đạt 46,4%).

5. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; báo chí, xuất bản

5.1. Kết quả

a) Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở

- Toàn Ngành đã kịp thời phổ biến các văn bản, quy định trên tất cả các lĩnh vực của đời sống KTXH của đất nước, phù hợp với tình hình thực tế tại bộ, ngành, địa phương. Điểm nhấn là đợt cao điểm tuyên truyền pháp luật về bầu cử, góp phần vào thành công của bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam được tổ chức đa dạng, linh hoạt²⁷, nhất là tổ chức thành công Chương trình “Gương sáng Pháp luật” để biểu dương, tôn vinh các cá nhân tiêu biểu trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Năm 2021, cả nước đã tổ chức **628.972** cuộc tuyên truyền pháp luật trực tiếp (*giảm hơn 26% so với năm 2020*), phát miễn phí hơn **68.6** triệu bản tài liệu tuyên truyền, PBGDPL.

Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) đã kịp thời có điều chỉnh để nhanh chóng thích ứng với tình hình mới²⁸, tăng cường PBGDPL trực tuyến. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật có bước kiện toàn quan trọng theo Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã phân công đồng chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ là Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương.

²⁷ Như: Tổ chức thành công Lễ hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2021 và triển khai sâu rộng trong toàn lực lượng Công an nhân dân (Bộ Công an); Tổ chức Cuộc thi sáng tác tiểu phẩm tuyên truyền pháp luật “Spirit of Law” trong thanh, thiếu niên các trường đại học dưới hình thức video clip (Trường Đại học Luật Hà Nội); Tổ chức Cuộc thi tìm hiểu pháp luật về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (Hà Nội, Bình Dương, Vĩnh Phúc, Đắk Lắk, Hải Dương...); Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và hướng dẫn các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 bằng hình thức phù hợp đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động ngành Tư pháp (Tây Ninh...); Xây dựng và phát sóng chuyên mục “Khách mời trường quay” trên Đài Phát thanh và Truyền hình tinh để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19 (Bắc Kạn); Tổ chức Cuộc thi thiết kế áp-phích tuyên truyền, phổ biến pháp luật năm 2021 và Hội thi tìm hiểu pháp luật về an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước (Đồng Nai); Cuộc thi tìm hiểu pháp luật về nông thôn mới trong cán bộ, công chức, viên chức các cấp (Thanh Hóa); Tổ chức Cuộc thi báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật về phòng, chống tham nhũng (Thanh Hóa, Lai Châu, Thừa Thiên Huế, Cao Bằng, Lào Cai,...); Tổ chức Cuộc thi tìm hiểu pháp luật về phòng, cháy chữa cháy (Hà Nội); Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Thanh niên với pháp luật” (Yên Bái); Tổ chức Cuộc thi “Thanh niên với kiến thức pháp luật” (Đồng Tháp); Tổ chức Hội thi trực tuyến “Hòa giải viên giỏi” (Quận 11, TP. Hồ Chí Minh); Tổ chức điều hành tuyên truyền về an toàn giao thông, tọa đàm trao đổi các VBQPPL tại cơ quan, đơn vị, địa phương (Lâm Đồng); Tổ chức Hội thảo hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2021 với chủ đề “Những bài học kinh nghiệm sau 05 năm thực hiện Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017-2021 và các đề án trên địa bàn” (Quảng Ngãi); Tổ chức Hội nghị ôn lại kỷ niệm Ngày Pháp luật Việt Nam và tổ chức phát động cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật về phòng, chống tham nhũng (Hậu Giang)...

²⁸ Bộ Tư pháp đã ban hành Công văn số 2830/BTP-PBGDPL ngày 19/8/2021 về việc đề nghị Tổ chức pháp chế các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đơn vị tham mưu công tác PBGDPL của các đoàn thể Trung ương và Sở Tư pháp các địa phương tiếp tục quan tâm tăng cường tuyên truyền PBGDPL về phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Song song với các hình thức PBGDPL truyền thống, các mô hình mới, hiệu quả, nhất là việc ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục được chú trọng, hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện kế hoạch phát triển KTXH và công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 như: tổ chức tọa đàm, xây dựng các chuyên mục/chương trình truyền hình - phát thanh, nhất là phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm; về xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến phòng chống dịch bệnh Covid-19²⁹; tổ chức hội nghị, gặp gỡ đối thoại với tổ chức, cá nhân (Đông Tháp); tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù³⁰; tổ chức tuyên truyền trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến³¹; tổ chức các cuộc thi viết, cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến³².

- Nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đạt được nhiều kết quả tích cực. Bộ Tư pháp đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, tạo cơ sở để thúc đẩy xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh, tiến bộ tại cơ sở. Sở Tư pháp các địa phương đã chủ động tham mưu đưa nội dung, nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong các văn bản, kế hoạch công tác PBGDPL năm 2021 và kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg.

- Công tác hòa giải ở cơ sở tiếp tục góp phần quan trọng trong giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, xây dựng sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư; giúp ổn định an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội ngay từ cơ sở, xây dựng sự đoàn kết trong nội bộ nhân dân. Trong năm, các Hòa giải viên đã tiếp nhận **94.463** vụ việc, với tỷ lệ hòa giải thành trung bình là **80.23%**; một số địa phương có tỷ lệ hoà giải thành rất cao (như: Long An - 94%; An Giang - 94%; Vĩnh Long - 94%; Đà Nẵng - 92%; Hậu Giang - 92%; Kon Tum - 92%; Bến Tre - 92,6%...).

b) Công tác báo chí, xuất bản

Công tác xuất bản, báo chí bảo đảm giữ vững tôn chỉ mục đích và chấp hành nghiêm các chỉ đạo, định hướng thông tin tuyên truyền của Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông. Chất lượng từng ấn phẩm, tin, bài đã bám

²⁹ Cà Mau, Bến Tre, Bình Dương, Hải Dương, Long An, Nam Định, Ninh Thuận, Quảng Nam, Quảng Ngãi, An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang... và tiêu biểu là Chương trình Cẩm tay chỉ luật trên VOV2, chương trình Tư vấn Chế độ chính sách pháp luật (Đài Tiếng nói Việt Nam), Truyền hình ANTV (Bộ Công an)...

³⁰ Hà Nam tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật và tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho người đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Nam Hà; Tây Ninh thực hiện các chương trình “Thanh niên và Pháp luật”; Hà Nội có mô hình hay tại các trường học, giáo viên xây dựng powerpoint kèm hình ảnh sinh động được tổ chức vào các giờ sinh hoạt đầu tuần qua zoom giúp học sinh hiểu và biết cách phòng, chống dịch bệnh, phát động chuỗi hoạt động sự kiện “Vui khỏe tại nhà - Tránh xa Covid” hay “Cà nhà khỏe re - Covid quay xe”; Quảng Ninh duy trì mô hình sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, mô hình an ninh cơ sở, an ninh tự quản...

³¹ Khánh Hòa có Kênh Youtube “Pháp luật đến mọi người” và Trang Facebook “Pháp luật đến mọi người”; Hà Nội đẩy mạnh việc thông tin tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh qua Zalo, Facebook, nhân rộng mô hình “Câu thang pháp luật”; Hậu Giang có kênh Zalo và Facebook “PBGDPL tỉnh Hậu Giang”.

³² Hà Nội, Lai Châu, Khánh Hòa, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Hậu Giang, Tuyên Quang, Đắk Lắk...

sát nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành; tập trung đổi mới về nội dung, hình thức; kịp thời thông tin, phản ánh về kết quả, tình hình thực hiện nhiệm vụ, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, Ngành; đồng thời góp phần tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội.

Báo Pháp luật Việt Nam tiếp tục phát huy đa dạng nội dung và hình thức ấn phẩm, nhất là thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin như tăng cường tổ chức giao lưu trực tuyến trên Báo Pháp luật Việt Nam điện tử, thực hiện kênh truyền hình pháp luật...; nhiều tin bài nội dung được độc giả đánh giá tốt, đặc biệt là các tin bài tuyên truyền về bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2026; tình hình dịch bệnh và pháp luật.

Nhà xuất bản Tư pháp có nhiều đổi mới nội dung, cách thức, quy trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm cung cấp kịp thời, đầy đủ số lượng, bảo đảm chất lượng các loại giấy tờ, sổ hộ tịch, phục vụ tốt yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp. Công tác xuất bản sách pháp luật tuân thủ đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động, bám sát chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của bạn đọc, phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, Nhà xuất bản đặc biệt quan tâm, chú trọng công tác xuất bản sách lý luận, chính trị, góp phần không nhỏ vào mục tiêu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các luận điểm sai trái trong lĩnh vực pháp luật, tư pháp. Kết quả, năm 2021 đã hoàn thành xuất bản 144 xuất bản phẩm với 260.000 bản in, trong đó có 94 xuất bản phẩm tự in và 50 xuất bản phẩm liên kết; doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2021 tiếp tục tăng so với năm 2020.

Tạp chí Dân chủ và Pháp luật đã biên tập, xuất bản và phát hành 12 số định kỳ, 11 số chuyên đề hàng tháng và các số chuyên đề chuyên sâu (200 trang) trên các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Tư pháp; Trang Thông tin điện tử của Tạp chí Dân chủ và Pháp luật đang từng bước trở thành diễn đàn khoa học pháp lý, là nơi cung cấp các bài viết mang tính chất nghiên cứu chuyên sâu để các cán bộ trong và ngoài ngành Tư pháp tham khảo, bàn luận. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp đã ban hành và đang tập trung triển khai Đề án xây dựng Tạp chí Dân chủ và Pháp luật điện tử với nhiều đổi mới, giải pháp hiện đại.

5.2. Khó khăn, hạn chế

- Công tác PBGDPL ở một số bộ, ngành, địa phương chưa có trọng tâm, trọng điểm; việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong một số lĩnh vực có lúc chưa kịp thời, hình thức, hiệu quả chưa cao; việc triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL giai đoạn 2019-2021” ở một số bộ, ngành, địa phương còn, chưa bảo đảm tiến độ đề ra. Kinh phí dành cho công tác PBGDPL còn chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ.

- Tỷ lệ hòa giải thành trong cả nước giảm so với năm 2020 (giảm 0,5%).

6. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật

6.1. Kết quả

- Công tác chuẩn bị tổ chức triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) được ngành Tư pháp xác định là trọng tâm công tác năm 2021³³. Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC³⁴ và đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thành công 02 Hội nghị triển khai Luật. Các bộ, cơ quan ngang bộ đã xây dựng, trình Chính phủ “chùm” hơn 30 nghị định quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC; đồng thời, không ngừng tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về XLVPHC, nhất là trong việc yêu cầu thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống dịch. Công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu; rà soát, kiểm tra, hướng dẫn việc thi hành pháp luật về XLVPHC và việc chấp hành các quyết định xử phạt được Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương chú trọng thực hiện. Bên cạnh đó, ngành Tư pháp, nhất là các cơ quan tư pháp ở các địa phương, đã tích cực tham gia ý kiến pháp lý đối với nhiều quyết định XLVPHC trước khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định³⁵.

- Công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật được gắn kết chặt chẽ với công tác xây dựng pháp luật, đạt được nhiều kết quả tích cực. Cơ quan tư pháp các cấp, tổ chức pháp chế của các bộ, ngành đã kịp thời tham mưu ban hành các kế hoạch triển khai VBQPPL; kịp thời xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành được giao. Thể chế về công tác theo dõi thi hành pháp luật tiếp tục được hoàn thiện³⁶, việc thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật được các bộ, ngành, địa phương thực hiện ngày càng nền nếp. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2018 - 2022”³⁷; tập trung vào việc tổ chức theo dõi thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng

³³ Tỉnh Hà Nam đã chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 05 hội nghị tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành tới đội ngũ cán bộ, công chức và nhân dân trong toàn tỉnh, thu hút hơn 500 lượt người tham gia. Tỉnh Nghệ An đã tổ chức 05 hội nghị tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành với hơn 1000 lượt người tham gia.

³⁴ Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 26/01/2021.

³⁵ Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 thành lập Tổ Tư vấn pháp lý về XLVPHC trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thành phố Đà Nẵng; tỉnh Ninh Thuận đã chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, ban ngành kiểm tra hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực như: khai thác khoáng sản; thuốc lá điều nhập lậu; hàng hải đối với phương tiện Phao búa đóng cọc; hành vi vi phạm khai thác rừng và bán lâm sản trái pháp luật.

Bộ Công an đã ban hành và tổ chức triển khai Quyết định số 2627/QĐ-BCA-V03 ngày 22/4/2021 ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021 trong Công an nhân dân.

³⁶ Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

³⁷ Như: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư...

tâm, liên ngành năm 2021 về quản lý, sử dụng đất đai, rừng; về bảo vệ môi trường; về phòng cháy và chữa cháy và nhiều chuyên đề khác gắn với lĩnh vực quản lý của từng bộ, ngành phù hợp với bối cảnh phòng chống dịch bệnh³⁸. Qua đó, kịp thời “phản ứng chính sách” đối với những vấn đề phát sinh trong thực tiễn, nhất là với những vấn đề liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp.

Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương tiếp tục chú trọng thực hiện các giải pháp để cải thiện điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1) theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP; theo đó: đã rà soát, đánh giá tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc của địa phương trong cập nhật, công khai, khai thác thông tin dữ liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tổ chức Hội thảo “Các giải pháp cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật nhằm góp phần cải thiện năng lực cạnh tranh của Việt Nam”; tổ chức Tọa đàm trực tuyến “Giải pháp cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật”; đồng thời, tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng³⁹ và tổ chức tập huấn về chỉ số B1.

6.2. Khó khăn, hạn chế

- Hoạt động kiểm tra công tác XLVPHC tuy đã được các bộ, ngành, địa phương quan tâm thực hiện nhưng chưa toàn diện; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác thi hành pháp luật về XLVPHC trong một số lĩnh vực chưa được thường xuyên, chặt chẽ và đồng bộ.

- Phạm vi và lĩnh vực theo dõi thi hành pháp luật rất rộng trong khi các nội dung theo dõi thi hành pháp luật hiện nay chủ yếu mang tính định tính, việc tổ chức điều tra, khảo sát, thu thập và xử lý thông tin về tình hình THPL còn ít, cơ chế phối hợp chưa được quy định cụ thể, việc thống kê, tổng hợp số liệu chưa được đầy đủ, kịp thời.

7. Công tác pháp luật quốc tế, hợp tác quốc tế về pháp luật

7.1. Kết quả

a) Công tác pháp luật quốc tế

Bộ Tư pháp tiếp tục thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ trong các tranh chấp đầu tư quốc tế trên cơ sở Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; phối hợp với các bộ, ngành liên

³⁸ Bến Tre xác định lĩnh vực trọng tâm để theo dõi là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất; giao rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng; bảo vệ môi trường biển và hải đảo; các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy; Sở Tư pháp Hậu Giang tham mưu tiến hành khảo sát đánh giá tình hình thi hành pháp luật trong thực hiện pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất. Qua đó, đã kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những cơ chế không còn phù hợp; đề xuất các biện pháp, giải pháp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, rào cản về cơ chế, chính sách, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

³⁹ Bộ Tư pháp đã phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng, phát sóng trên Kênh VTV1 Chương trình phóng sự “Cải cách chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật - Hướng đi tất yếu”; phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam phát sóng Chương trình phỏng vấn về chỉ số B1 trên kênh VOV2.

quan thực hiện tốt nhiệm vụ giúp Chính phủ xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh trong hội nhập quốc tế⁴⁰; đàm phán, ký kết, thực hiện điều ước, thỏa thuận, cam kết quốc tế; chuẩn bị tổng kết 5 năm thực hiện Công ước La Hay về tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại; tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành trong việc triển khai kế hoạch hoàn thiện pháp luật nhằm thực hiện CPTPP, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVIPA); hoàn thành và nộp báo cáo giữa kỳ Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (Công ước ICCPR) về thực thi một số khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc vào tháng 3/2021; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước ICCPR và các khuyến nghị của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc⁴¹ và Kế hoạch Việt Nam đảm nhận vai trò thành viên Ủy ban Luật Thương mại quốc tế thuộc Liên hợp quốc (UNCITRAL) nhiệm kỳ 2019-2025⁴²; tập trung triển khai Công ước La Hay về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại⁴³.

Năm 2021, Bộ Tư pháp đã thẩm định 31 điều ước quốc tế (giảm 14 văn bản so với cùng kỳ năm 2020); góp ý 194 điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (tăng 75 văn bản so với cùng kỳ năm 2020). Đã tiếp nhận, chuyển giao và trả kết quả 2.556 yêu cầu ủy thác tư pháp; cấp 11 ý kiến pháp lý cho các hiệp định vay nước ngoài. Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp tham gia tích cực đàm phán các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương⁴⁴.

b) Công tác hợp tác quốc tế về pháp luật

Bộ Tư pháp đã tập trung triển khai hiệu quả nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận 73-KL/TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW về hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính và cải cách tư pháp, trọng tâm là tổ chức Hội nghị quán triệt thực hiện Kết luận số 73-KL/TW⁴⁵; xây dựng 02 Đề án quan trọng mang tính

⁴⁰ Như phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, tỉnh Thanh Hóa, Thành phố Hồ Chí Minh trong một số vụ việc nhà đầu tư đã có ý định khởi kiện.

⁴¹ Phê duyệt tại Quyết định số 1252/QĐ-TTg ngày 26/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴² Ban hành theo Quyết định số 58/QĐ-TTg ngày 19/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴³ Theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 30/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴⁴ Năm 2021, Bộ Tư pháp đã hoàn thiện và trình Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước đề xuất đàm phán Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; kết thúc đàm phán Vòng 2 và thống nhất được dự thảo Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Thái Lan; tham gia đàm phán các hiệp định thương mại tự do song phương, đa phương quan trọng (Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RCEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam - Israel, việc gia nhập CPTPP của Vương quốc Anh); tham gia đàm phán các Hiệp định/Thỏa thuận vay và vốn viện trợ không hoàn lại với nước ngoài; tham gia đàm phán các Hiệp định trong khuôn khổ ASEAN cũng như giữa ASEAN và các đối tác ngoài khối; đàm phán Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự với Nhật Bản.

⁴⁵ Vào ngày 26/10/2021 với sự tham gia của khoảng 100 đại biểu là đại diện của Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Nội chính Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, các Ban cán sự đảng, Lãnh đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Lãnh đạo các cơ quan trung ương của các tổ chức, đoàn thể, UBND thành phố Hà Nội.

định hướng cho công tác đối ngoại và quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp của Bộ Tư pháp cho giai đoạn tới⁴⁶.

Trong điều kiện ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, công tác hợp tác quốc tế của Bộ Tư pháp được triển khai một cách sáng tạo, chủ động, thích ứng với tình hình thế giới và trong nước, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành Tư pháp. Bộ Tư pháp đã thống nhất và ký trực tuyến 04 văn kiện hợp tác với các đối tác IFC, Thái Lan, Đức và An-giê-ri⁴⁷; chủ động, kịp thời đàm phán để ký kết được 05 thỏa thuận nhân các chuyến thăm chính thức của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tới Lào, Cu-ba, Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Thụy Sĩ⁴⁸. Nhiều hoạt động hợp tác khác đã được triển khai thực hiện nhằm tiếp tục đưa quan hệ hợp tác với đối tác đặc biệt Lào đi vào chiều sâu, ngày càng bền chặt; tăng cường và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với Cu-ba theo hướng thiết thực, hiệu quả, đặc biệt là đề xuất xây dựng dự án hỗ trợ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu hợp tác của phía Cu-ba; tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các đối tác có nhiều kinh nghiệm hợp tác với Bộ Tư pháp Việt Nam (như Đức, Pháp, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore...). Thúc đẩy hợp tác đa phương, là thành viên tích cực trong các tổ chức khu vực và toàn cầu mà Việt Nam đã tham gia, bao gồm: ASEAN (nổi bật là tham gia tích cực tích cực tham gia với tinh thần trách nhiệm cao vào Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp ASEAN (ALAWMM) lần thứ 11), tổ chức Luật phát triển IDLO; tiếp tục tăng cường hợp tác với EU, các cơ quan của UN. Thu hút các hỗ trợ kỹ thuật của đối tác quốc tế có thiện chí với Việt Nam góp phần thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ của Bộ, Ngành. Mặc dù trong điều kiện Việt Nam đã là quốc gia có mức thu nhập trung bình và trong bối cảnh nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn do Covid-19, nhưng Bộ Tư pháp vẫn đàm phán và hoàn thành thủ tục tiếp nhận 5 phi dự án, cơ bản hoàn thành việc tiếp nhận văn kiện 01 dự án do WB tài trợ, tiếp tục đàm phán để hoàn thành thủ tục tiếp nhận 01 dự án do UNICEF tài trợ trong tháng 12/2021 hoặc tháng 01/2022⁴⁹.

7.2. Khó khăn, hạn chế

- Một số bộ, ngành, địa phương, chưa chủ động trong công tác phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế, công tác phối hợp giải quyết khi vụ kiện đã xảy ra còn chưa đồng bộ. Nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế còn rất nhiều hạn chế, chưa được đào tạo chuyên sâu nên còn gặp nhiều lúng túng và hạn chế trong quá trình triển khai công việc.

⁴⁶ Đề án định hướng tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế của Bộ Tư pháp giai đoạn 2022-2026 và Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp đối với hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp giai đoạn 2021-2025.

⁴⁷ 01 bản ghi nhớ hợp tác với IFC, 03 Chương trình hợp tác trong lĩnh vực pháp luật và tư pháp năm 2021/giai đoạn 2021-2022 với Thái Lan, Đức và An-giê-ri.

⁴⁸ Chương trình hợp tác năm 2022 giữa Bộ Tư pháp Việt Nam - Lào, Chương trình hợp tác giai đoạn 2022-2023 giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Cu-ba, Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Tham Chính viện Cộng hòa Pháp, Chương trình hợp tác giai đoạn 2022-2023 giữa Bộ Tư pháp và Hội đồng thừa phát lại và đấu giá viên Cộng hòa Pháp, Chương trình hợp tác giai đoạn 2022-2023 giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Liên bang Nga.

⁴⁹ Với tổng số kinh phí của các dự án, phi dự án này khoảng 5,5 triệu USD, tương đương 125 tỷ VND cho thời gian từ nay đến 2026.

- Việc triển khai một số hoạt động theo Kế hoạch đối ngoại năm 2021 còn chậm tiến độ hoặc không tổ chức được do tình hình dịch bệnh Covid-19 và sự khó khăn từ phía đối tác.

- Hiệu quả thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký kết với đối tác song phương chưa cao.

8. Công tác xây dựng Ngành, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học pháp lý

8.1. Kết quả

- *Đối với công tác tổ chức bộ máy, biên chế*, toàn Ngành đã và đang tập trung kiện toàn tổ chức, bộ máy theo tinh thần và quy định của các Nghị quyết Trung ương về đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; các Nghị định mới của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các Bộ, ngành, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, bám sát Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 16/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tư pháp đến năm 2021, định hướng đến năm 2030, Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện, bảo đảm thống nhất, thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao. Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành 02 quyết định: Quyết định số 2069/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành Tư pháp và Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đồng thời, thực hiện yêu cầu chung của Chính phủ, Bộ Tư pháp đã khẩn trương rà soát, đánh giá chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy và đang xây dựng Nghị định mới để trình Chính phủ thay thế Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

Công tác quản lý biên chế đã được toàn Ngành thực hiện bài bản, linh hoạt, kịp thời đáp ứng yêu cầu công tác. Bộ, ngành Tư pháp đã tiếp tục thực hiện chủ trương chung về tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của Trung ương và quy định của Chính phủ.

- *Đối với công tác cán bộ*, chất lượng nhân lực tư pháp tiếp tục được nâng cao để đáp ứng nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành trong giai đoạn mới. Năm 2021, toàn Ngành tiếp tục tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chuyên môn ở các cấp, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ. Nhiều cán bộ ngành Tư pháp được nhân dân tin tưởng, tin nhiệm bầu làm đại biểu Quốc hội Khóa XV, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 và rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2021

được Bộ, ngành Tư pháp quan tâm thực hiện, đảm bảo chặt chẽ, khách quan, dân chủ, công khai, minh bạch. Công tác bổ nhiệm, tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí việc làm được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Công tác bình đẳng giới được quán triệt và thực hiện kịp thời, đồng bộ trong toàn Ngành.

Cả nước hiện có **4.250** công chức, viên chức làm việc tại các Sở Tư pháp (*giảm 21 người, tương đương 0,5% so với năm 2020*); **2.826** công chức làm việc tại Phòng Tư pháp (*tăng 11 người tương đương 0,4% so với năm 2020*), đạt bình quân **4.03** người/Phòng Tư pháp; có **17.687** công chức Tư pháp - Hộ tịch (*giảm 662 người tương đương với 3,8% so với năm 2020*).

Cả nước có⁵⁰ **9.393** người làm công tác pháp chế (*gồm 2.635 người làm pháp chế chuyên trách, 6.758 người làm pháp chế kiêm nhiệm*). Trong đó, tại Trung ương, có **4.429** người làm công tác pháp chế (*gồm 1.417 người chuyên trách, 3.012 người kiêm nhiệm*); tại địa phương có **55** Phòng Pháp chế được thành lập tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế có **2.591** người (*gồm 457 người chuyên trách, 2.134 người kiêm nhiệm*); doanh nghiệp nhà nước có **2.373** người làm công tác pháp chế (*gồm 761 người chuyên trách, 1.612 người kiêm nhiệm*).

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tiếp tục được ngành Tư pháp chú trọng, chủ động ứng phó kịp thời với tác động của dịch bệnh Covid-19 như tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến, dạy học theo hình thức online... Nội dung đào tạo, bồi dưỡng không chỉ nhằm đảm bảo tiêu chuẩn hóa các chức danh, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm mà còn tập trung vào việc nâng cao trình độ chính trị, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ và kiến thức quốc phòng, an ninh, gắn kết chặt chẽ hơn với quy hoạch nguồn nhân lực của Bộ, Ngành, qua đó vừa tăng cường chất lượng nguồn nhân lực pháp luật cho Bộ, ngành Tư pháp nói riêng và xã hội nói chung, góp phần quan trọng vào công cuộc cải cách tư pháp, cải cách pháp luật ở nước ta. Năm 2021, Bộ Tư pháp đã cử **295** lượt công chức, viên chức của Bộ và **1.843**⁵¹ lượt công chức, viên chức Hệ thống THADS đi đào tạo, bồi dưỡng.

- Công tác đào tạo các chức danh tư pháp và nguồn nhân lực có kiến thức pháp luật cho xã hội, góp phần cải cách tư pháp

Để tăng cường đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao phục vụ cải cách tư pháp, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN và nhu cầu xã hội, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện tổng kết 02 Đề án: Đề án tổng thể “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật” và Đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm

⁵⁰ Số liệu tính đến ngày 01/4/2021.

⁵¹ Số liệu đến 30/9/2021.

lớn đào tạo các chức danh tư pháp”. Đồng thời, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng Đề án mới tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm về đào tạo pháp luật với những định hướng mới, phù hợp cho giai đoạn phát triển mới đảm bảo tính khả thi và Đề án mới tiếp tục xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp với những mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp.

Mặc dù trong bối cảnh khó khăn, công tác tuyển sinh, đào tạo của các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Tư pháp đã linh hoạt, đổi mới, chủ động ứng phó kịp thời như tăng cường hình thức bài giảng trực tuyến, dạy học theo hình thức online... và đã hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh, đào tạo năm học mới. Năm 2021, Trường ĐH Luật Hà Nội đã xác nhận nhập học cho **2.058** thí sinh hệ đại học chính quy, tiến hành đào tạo **950** học viên cao học và **200** nghiên cứu sinh. Học viện Tư pháp đã hoàn thành vượt chỉ tiêu đào tạo các chức danh tư pháp, cụ thể: đã xét tuyển được **5.057** hồ sơ đủ điều kiện, trong đó có 4.673 học viên đã nhập học, đạt tỷ lệ 130,5% so với Kế hoạch được giao; tiếp tục thực hiện đào tạo và công nhận tốt nghiệp cho **3.817** học viên.

Các trường Trung cấp luật, Cao đẳng luật thuộc Bộ Tư pháp⁵² đã tập trung rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy theo quy định; đồng thời, triển khai thực hiện việc tuyển sinh nhằm tiếp tục tạo nguồn bổ sung cho đội ngũ cán bộ tư pháp cấp xã, nhất là những địa bàn vùng sâu, vùng xa; tiếp tục mở các lớp liên kết đào tạo hàng ngàn học viên với các cơ sở đào tạo khác; phối hợp với cấp uỷ, chính quyền địa phương để mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho công chức, viên chức.

- *Công tác nghiên cứu khoa học pháp lý* đạt nhiều kết quả ấn tượng, góp phần tích cực vào việc cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng; góp phần bổ sung, phát triển các khía cạnh lý luận về nhà nước pháp quyền XHCN, triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; cải cách hành chính, cải cách tư pháp; góp phần tích cực phục vụ công tác hội nhập quốc tế về pháp luật và tư pháp; đồng thời, góp phần vào việc nhận diện những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

⁵² Trường Cao đẳng Luật Miền Trung đã tuyển sinh: trung cấp luật chính quy với 146 học sinh, thạc sĩ luật với 24 học viên, các lớp bồi dưỡng ngắn hạn với 343 học viên, bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch với 329 học viên.

Trường Cao đẳng Luật Miền Nam đã tuyển sinh: trung cấp luật đạt 165/150 chỉ tiêu, cao đẳng luật hoàn thành 100/100 chỉ tiêu, tổ chức các lớp bồi dưỡng với 463 học viên.

Trường Cao đẳng Luật Miền Bắc đã tuyển sinh trung cấp luật 181 học sinh, đạt 122,3% so với năm học 2020; tuyển sinh 06 học sinh cao đẳng.

Trường Trung cấp Luật Tây Bắc đã tuyển sinh hệ trung cấp chính quy với 276 học sinh, vượt 184% so với chỉ tiêu tuyển sinh đã đăng ký năm học 2021.

Các đơn vị và các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Tư pháp tích cực triển khai 39 nhiệm vụ khoa học cấp nhà nước, cấp bộ và nhiều nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở khác⁵³. Các nhiệm vụ khoa học được thực hiện đúng tiến độ đề ra, đảm bảo chất lượng về nội dung, sản phẩm; tình trạng chậm tiến độ đã được khắc phục căn bản.

Năm 2021, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế, quốc gia⁵⁴, theo đó, kinh nghiệm về lý luận và thực tiễn thu được từ các hoạt động này có ý nghĩa là nguồn tham khảo hữu hiệu cho việc hoàn thiện hành lang pháp lý cho phát triển KTXH cũng như xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đặc biệt, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức thành công Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Định hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng” với sự chủ trì, tham gia của nhiều đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên BCHTW và Lãnh đạo nhiều bộ, ngành, địa phương.

8.2. Khó khăn, hạn chế

- Việc kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan tư pháp gặp nhiều khó khăn cả ở Trung ương và địa phương. Qua rà soát, một số đơn vị thiếu biên chế để duy trì tổ chức, nhất là trong bối cảnh khối lượng công việc ngày càng tăng, yêu cầu về chất lượng ngày càng cao. Các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp (như Phòng Công chứng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Trung tâm trợ giúp pháp lý) đang đứng trước khả năng phải giải thể đối với những tổ chức không đủ điều kiện về biên chế tối thiểu. Các tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn địa phương không duy trì được như thời gian trước đây, cán bộ pháp chế phần lớn là kiêm nhiệm. Nhiều địa phương, ở cấp huyện, cấp xã vẫn còn bố trí công chức làm công tác tư pháp - hộ tịch chưa có trình độ chuyên môn luật.

- Dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ tới việc thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trong năm 2021, nhất là việc thay đổi cách thức tổ chức lớp học, phương thức giảng dạy đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Ngoài ra, điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin của một số cơ sở đào tạo hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu trong giảng dạy, học tập trực tuyến.

- Số lượng công trình nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn để giải quyết những nhiệm vụ lớn của Bộ, Ngành còn ít. Công tác nghiên cứu khoa học tại các

⁵³ Trong đó, một số nhiệm vụ quan trọng đã và đang triển khai như: chuẩn bị nội dung tổ chức Hội thảo khoa học cấp quốc gia về “Định hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng”; triển khai đề tài khoa học cấp quốc gia “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0: Những vấn đề pháp lý cơ bản”...

⁵⁴ Như: Hội thảo quốc tế “Đại dịch Covid-19 và những vấn đề pháp lý đặt ra” trong khuôn khổ “Tuần lễ pháp luật Việt - Đức năm 2021”; Hội thảo Nền kinh tế Gig tại Việt Nam - Một số vấn đề pháp lý đặt ra; Tọa đàm “Các khía cạnh pháp lý của đô thị thông minh ở châu Á”; Hội thảo khoa học cấp quốc gia: “Định hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật theo tinh thần Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng”...

trường Cao đẳng, Trung cấp luật còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều giảng viên, cán bộ tham gia. Năm 2021 do tác động của dịch bệnh Covid-19, nên một số hoạt động nghiên cứu khoa học bị gián đoạn (tổ chức hội thảo, điều tra khảo sát, tập huấn...), một số nhiệm vụ còn xin gia hạn thời gian thực hiện.

9. Công tác quản lý ngân sách - tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch, thống kê

9.1. Kết quả

Năm 2021, Bộ, ngành Tư pháp tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm chấp hành nghiêm kỷ luật tài chính, ngân sách theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 58/NQ-CP, bám sát quy định, yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan trong bối cảnh dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp. Với phương châm quản lý chặt chẽ, điều hành linh hoạt, chú trọng thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, công tác quản lý ngân sách, tài sản tiếp tục được duy trì hiệu quả, bảo đảm kịp thời kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các đơn vị.

Công tác quản lý đầu tư tiếp tục thực hiện với tinh thần quyết liệt, khẩn trương, bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đã kịp thời giao vốn năm 2021 và thực hiện việc tổ chức triển khai giải ngân vốn đầu tư công theo đúng tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 63/NQ-CP của Chính phủ; hoàn thành xây dựng, hướng dẫn, quán triệt và bước đầu tổ chức triển khai Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với vốn ngân sách được giao tăng **27,4%** so với số vốn kế hoạch và tăng **47,6%** so với vốn được cấp thực tế giai đoạn 2016-2020, tạo điều kiện để hiện đại hóa cơ sở vật chất, triển khai các dự án công nghệ thông tin lớn phục vụ nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp trong bối cảnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

Công tác kế hoạch được toàn Ngành triển khai chủ động, điều chỉnh linh hoạt trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid - 19; có những đóng góp quan trọng trong việc đánh giá, đề xuất các nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp vào các kế hoạch, chương trình mang tính chiến lược, dài hạn của Chính phủ trong giai đoạn 2021-2025 và 2021-2030.

Công tác thống kê tiếp tục đi vào nền nếp; phần mềm báo cáo thống kê ngành Tư pháp đến nay đã được triển khai đến tất cả các tỉnh, huyện, xã trong phạm vi cả nước góp phần đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng của báo cáo thống kê, kịp thời cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, ngành Tư pháp. Niên giám thống kê ngành Tư pháp năm 2020 lần đầu tiên được xây dựng mở ra một hình thức mới về phổ biến thông tin thống kê của Ngành, đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin thống kê tư pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.”

9.2. Khó khăn, hạn chế

- Trong lĩnh vực quản lý đầu tư công, còn chậm trễ trong việc hướng dẫn tổ chức triển khai các VBQPPL có liên quan đến lĩnh vực đầu tư công thuộc phạm vi quản lý của Bộ, Ngành; chưa thực sự chủ động, quyết liệt trong công tác chỉ đạo các cấp quyết định đầu tư theo phân cấp cũng như trong công tác phối hợp với các đơn vị có liên quan để xử lý dứt điểm các tồn tại, khó khăn vướng mắc liên quan đến lĩnh vực đầu tư công; công tác tham mưu trong quản lý đầu tư công theo phân cấp còn chưa đạt kỳ vọng; tỷ lệ giải ngân Kế hoạch vốn đầu tư công toàn Ngành còn thấp.

- Trong công tác thống kê, việc triển khai phần mềm thống kê còn xảy ra tình trạng lỗi kỹ thuật; một số đơn vị cấp huyện, cấp xã chưa lập báo cáo thống kê trên phần mềm gây khó khăn cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ tổng hợp báo cáo ở địa phương; việc đánh giá, phân tích số liệu thống kê còn có những hạn chế nhất định; việc tổ chức tập huấn trong toàn quốc về công tác thống kê đến nay chưa được triển khai theo đúng kế hoạch đề ra.

10. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

10.1. Kết quả

- Năm 2021, công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên, đặt trọng tâm vào việc thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hộ tịch, chứng thực và phù hợp với diễn biến dịch bệnh tại các địa phương; qua đó, đã kịp thời chấn chỉnh, răn đe và phòng ngừa vi phạm. Toàn Ngành đã tập trung vào việc tổ chức thực hiện Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; THADS; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; Bộ Tư pháp đã tổ chức 02 hội nghị triển khai và tập huấn Nghị định số 82/2020/NĐ-CP cho Sở Tư pháp các địa phương.

Năm 2021, Bộ Tư pháp đã tiến hành 34 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất để giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm tra sau thanh tra (*giảm 19 cuộc so với năm 2020*); qua thanh tra, đã ban hành 38 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 21 tổ chức, cá nhân có vi phạm với tổng số tiền xử phạt là 401.000.000 đồng, kiến nghị thu hồi Quyết định cho phép thành lập 01 Văn phòng công chứng, tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên có thời hạn 7,5 tháng, buộc nộp lại số tiền 9.152.500 đồng vào ngân sách nhà nước. Các Sở Tư pháp địa phương đã tiến hành 342 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 492 tổ chức, qua đó, đã xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.388.000.000 đồng, thu hồi nộp ngân sách nhà nước 289.198.970 đồng. Nhiều Sở Tư pháp (*như: Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Nghệ An, Tp Hồ Chí Minh, An Giang, Bình Phước,...*) đã tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong các lĩnh vực công chức, đấu giá tài sản, luật sư...

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được Bộ và các Sở Tư pháp tập trung thực hiện đúng quy định của pháp luật. Năm 2021, tại Bộ Tư pháp, Lãnh đạo Bộ và các đơn vị đã tiếp **181** lượt công dân (*giảm 39 lượt so với năm 2020*) và 01 đoàn khiếu nại, tố cáo đông người tại Bộ Tư pháp liên quan đến lĩnh vực thi hành án dân sự; tiếp nhận, xử lý **795** đơn thuộc thẩm quyền, xem xét giải quyết, xử lý của Bộ Tư pháp (688 đơn khiếu nại, 107 đơn tố cáo), giảm 31% so với năm 2020. Nội dung các đơn khiếu nại, tố cáo chủ yếu liên quan đến việc kê biên tài sản thi hành án, thời hiệu thi hành án; đình chỉ, tạm đình chỉ thi hành án; quyết định cưỡng chế thi hành án; khiếu nại, tố cáo vi phạm trong hoạt động hoạt động công chứng, luật sư, đấu giá tài sản... Số đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân gửi đến Bộ Tư pháp đều được xử lý và xem xét, giải quyết theo đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, xác định công tác phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng, Bộ, ngành Tư pháp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều giải pháp, nhiệm vụ, như: thực hiện công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, đơn vị; chuyển đổi vị trí công tác; kê khai tài sản của cán bộ, công chức, viên chức; tập trung thanh tra trong một số lĩnh vực công tác dễ dẫn đến những sơ hở hoặc những thiếu sót làm nảy sinh hành vi tham nhũng⁵⁵. Đồng thời, Bộ Tư pháp tiếp tục tham gia tích cực các hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

10.2. Khó khăn, hạn chế

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhiều hoạt động thanh tra chuyên ngành, thanh tra hành chính chưa thực hiện được theo kế hoạch.

- Biên chế của Thanh tra Sở hạn chế, lĩnh vực quản lý của Ngành rộng và phức tạp nên công tác thanh tra chuyên ngành chỉ mới tập trung một số lĩnh vực nên hiệu quả công tác thanh tra chưa toàn diện.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác thanh tra; công tác tiếp công dân và tham mưu giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo còn chưa thường xuyên.

11. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin; thi đua, khen thưởng

11.1. Kết quả

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin là nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời cũng là giải pháp chủ yếu để hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của Bộ, ngành Tư pháp. Bộ tiếp tục duy trì, đảm bảo vận hành an toàn, thông suốt của các Trung tâm Dữ liệu điện tử; tập trung nghiên cứu, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng, triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ việc xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số của Bộ,

⁵⁵ Như: công tác tổ chức cán bộ, đầu tư xây dựng cơ bản; tăng cường thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực công chứng, luật sư, đăng ký biện pháp bảo đảm, hộ tịch, bán đấu giá tài sản...

Ngành. Quản lý, vận hành, hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng các Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, phần mềm ứng dụng trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, Ngành, qua đó hỗ trợ giải quyết hàng triệu hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng ngày càng được quan tâm, đẩy mạnh trong hoạt động của Bộ, Ngành, trọng tâm là tăng cường sử dụng chữ ký số và gửi nhận văn bản trên Trục liên thông văn bản Quốc gia. Đồng thời, Bộ, ngành Tư pháp đã quyết liệt thực hiện giải pháp cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công Bộ, địa phương và Cổng Dịch vụ công quốc gia để đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Bộ Tư pháp đã triển khai các hạng mục về phát triển, mở rộng Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch và tiếp tục hỗ trợ địa phương trong việc số hóa sổ hộ tịch vào Hệ thống thông tin Đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung... Tiếp tục duy trì và mở rộng kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Bộ, Ngành với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật tiếp tục phát huy hiệu quả, là kênh thông tin pháp luật tin cậy, thuận lợi cho cơ quan nhà nước, người dân và doanh nghiệp tìm hiểu, tra cứu, khai thác hệ thống pháp luật của Việt Nam. Tổ chức pháp chế của các Bộ, ngành và Sở Tư pháp đã cập nhật được **4.123** văn bản (Trung ương là 623 văn bản; địa phương là 3500 văn bản), nâng tổng số văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật đến nay là **115.454** văn bản; bình quân số lượng truy cập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật là **50.000** lượt/ngày (*tăng 66.67% so với năm 2020*).

- Công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp tiếp tục đi vào thực chất, kịp thời động viên, khích lệ các tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị. Việc phát động, tổ chức các phong trào thi đua trong toàn Ngành năm 2021 được thực hiện kịp thời, bám sát các yêu cầu phòng, chống dịch; việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng được chú trọng ngay từ những tháng đầu năm, thực hiện linh hoạt, có nhiều đổi mới. Các Cụm, Khu vực thi đua trong toàn Ngành tiếp tục được kiện toàn; tổ chức triển khai các hoạt động một cách linh hoạt từ phát động, đăng ký giao ước thi đua, tổ chức sơ kết, kiểm tra đánh giá phong trào đến tổ chức tổng kết công tác thi đua, khen thưởng với hình thức phù hợp⁵⁶ với điều kiện thực tiễn, thích ứng linh hoạt, an toàn với dịch bệnh.

Đến nay, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp đã cho ý kiến hơn **3.300** hồ sơ đề nghị các loại hình khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trong và ngoài Ngành. Trên cơ sở đề nghị của Bộ Tư pháp, Chủ tịch nước đã tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì cho **02** tập thể, Huân chương Lao động hạng ba cho **06** tập thể, **05** cá nhân, **01** cá nhân được công nhận là Nhà giáo ưu; Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen cho **03** tập thể, **25** cá nhân, tặng Cờ thi đua của Chính phủ cho **09** tập thể trong ngành Tư pháp có thành tích tiêu

⁵⁶ Các Cụm thi đua tổ chức bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến, các Khu vực thi đua tổ chức bằng hình thức văn bản.

biểu xuất sắc trong các lĩnh vực công tác, thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua. Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã tặng tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Tư pháp cho **1.441** cá nhân, trong đó có **02** cá nhân người nước ngoài, công nhận Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp cho **60** cá nhân, tặng Bằng khen cho **502** tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực công tác.

11.2. Khó khăn, hạn chế

- Trong bối cảnh xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số; chuyển đổi số và dịch bệnh Covid-19 hiện nay thì nhu cầu làm việc trực tuyến cũng như khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, công tác chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ công chức trong Bộ, Ngành và nhu cầu của người dân gia tăng. Tuy nhiên hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm dữ liệu điện tử Bộ Tư pháp và trang thiết bị của một số cơ quan, đơn vị trong Ngành còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số phần mềm đã được xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng được thời gian dài, phát sinh bất cập so với thực tiễn nhưng chưa bố trí được nguồn lực để thực hiện bảo trì, nâng cấp phần mềm, do đó có thời điểm phần mềm hoạt động không ổn định ảnh hưởng đến công tác chuyên môn, nghiệp vụ, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết TTHC cho cá nhân tổ chức. Việc giám sát, duy trì, hỗ trợ các địa phương kết nối, chia sẻ dữ liệu hiện có và mở rộng phạm vi kết nối các dịch vụ mới còn khó khăn do thiếu nguồn lực thực hiện.

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, việc tham mưu triển khai thực hiện một số phong trào thi đua, công tác kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị, địa phương trong công tác thi đua - khen thưởng gặp nhiều khó khăn.

12. Công tác Đảng - đoàn thể

12.1. Kết quả

Công tác Đảng, đoàn thể của Bộ, Ngành được thực hiện đồng bộ và toàn diện, ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả hơn. Các cấp ủy, tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể xã hội đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025⁵⁷; các văn bản, nghị quyết của Trung ương, nhất là các nội dung liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, ngành Tư pháp và các nhiệm vụ công tác Đảng, đoàn thể được giao. Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, các phong trào thi đua yêu nước; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tổ chức bộ máy, cán bộ và phát triển đảng viên, kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, dân vận và lãnh đạo các đoàn thể chính trị xã hội.

⁵⁷ Xây dựng các Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng Bộ; Tổ chức các Hội nghị nghiên cứu, học tập, quán triệt, phổ biến và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các văn bản, nghị quyết trên các lĩnh vực chuyên sâu; sơ kết, tổng kết nhiều văn bản, nghị quyết và tham gia ý kiến đối với nhiều dự thảo văn bản, nghị quyết của Trung ương.

Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, phong phú và đa dạng hơn, cả về nội dung và hình thức, bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; phát huy vai trò của các tổ chức tham mưu giúp việc; huy động được sự tham gia của các hội viên, đoàn viên; tích cực tham gia công tác xây dựng đảng, chính quyền và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và thường xuyên chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, đoàn viên. Công tác xã hội, thiện nguyện, các hoạt động thể thao được chú trọng đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; tích cực đóng góp vào các phong trào đền ơn, đáp nghĩa, vì người nghèo; phòng, chống dịch Covid-19, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt. Qua đó, kịp thời động viên, khích lệ và phát huy tính tích cực của hội viên trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

12.2. Khó khăn, hạn chế

Vẫn còn cấp ủy, tổ chức đảng, Thủ trưởng đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác xây dựng đảng, đoàn thể của cơ quan, đơn vị. Nội dung, hình thức hoạt động của Chi bộ và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số đơn vị chưa sáng tạo, linh hoạt. Sự gắn kết giữa công tác đảng với công tác đoàn thể và công tác tổ chức, cán bộ gắn với xây dựng cơ quan, đơn vị có nơi chưa chặt chẽ và chưa sát với điều kiện thực tiễn.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Năm 2021, mặc dù dịch bệnh Covid-19 đã tác động lớn đến tình hình KTXH nói chung và việc triển khai công tác tư pháp nói riêng, nhưng toàn Ngành đã khẩn trương xác định các nhiệm vụ công tác trọng tâm, kịp thời xây dựng, ban hành và điều chỉnh các chương trình, kế hoạch công tác, bảo đảm thứ tự ưu tiên, tập trung nguồn lực để tổ chức thực hiện kịp thời, chất lượng các nhiệm vụ được giao. Công tác chỉ đạo điều hành được thực hiện quyết liệt, linh hoạt, bám sát Chương trình, Kế hoạch công tác, các Nghị quyết, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, bối cảnh tình hình KTXH của đất nước và của từng địa phương. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật được chú trọng đầu tư nguồn lực, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong tổ chức thi hành, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; công tác xử lý văn bản trái pháp luật được thực hiện quyết liệt, góp phần bảo đảm tính thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi của hệ thống pháp luật; công tác rà soát VBQPPL được triển khai quyết liệt và đạt nhiều kết quả tích cực; việc tham gia ý kiến pháp lý cùng với Chính phủ, chính quyền các cấp ứng phó với dịch bệnh Covid-19 được thực hiện kịp thời, trách nhiệm. Công tác truyền thông, phổ biến về chính sách, pháp luật được thực hiện hiệu quả hơn, đặc biệt trong ứng dụng CNTT, chuyển đổi số; tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đã có nhiều đổi mới trong tư duy, cách làm; nhiều cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến đã được Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương chú trọng, nổi bật là thi tìm hiểu pháp luật về bầu cử đại biểu

Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tổ chức thi hành pháp luật đối với một số lĩnh vực công tác của Bộ, ngành Tư pháp: thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính; hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; hành chính tư pháp; pháp luật quốc tế, hợp tác quốc tế về pháp luật... trong bối cảnh xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và cải cách tư pháp tiếp tục được nâng cao. Công tác xây dựng Ngành, đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học pháp lý; việc thanh tra, kiểm tra, bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động của Ngành được chú trọng và đạt nhiều kết quả tích cực. Những kết quả nêu trên đã tiếp tục đóng góp quan trọng vào phát triển KTXH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội của đất nước và của từng địa phương.

2. Bên cạnh các kết quả nêu trên, công tác tư pháp, pháp chế trong năm 2021 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế (đã được nêu cụ thể tại từng lĩnh vực công tác), khái quát một số tồn tại, hạn chế có thể kể đến như: Số liệu về kết quả hoạt động khá nhiều lĩnh vực giảm so với năm 2020. Tình trạng chậm ban hành văn bản tuy đã có bước khắc phục nhưng đến nay số văn bản chậm ban hành vẫn còn; chất lượng một số VBQPPL của các bộ, ngành, địa phương còn thấp; công tác PBGDPL ở một số bộ, ngành, địa phương chưa có trọng tâm, trọng điểm; vẫn còn trường hợp ra quyết định thi hành án thiếu chính xác phải thu hồi, hủy bỏ; tình trạng vi phạm trong quá trình tổ chức thi hành vẫn chưa được khắc phục triệt để; tình trạng chậm cấp phiếu Lý lịch tư pháp vẫn còn; hoạt động của một số tổ chức hành nghề hỗ trợ tư pháp như luật sư, công chứng, đấu giá tài sản... còn có nhiều sai phạm; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đôi khi chưa được thường xuyên, chặt chẽ...

3. Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế

** Về chủ quan:*

- Một số bộ, ngành, địa phương vẫn chưa thực sự chú trọng, ưu tiên nguồn lực cho công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật.

- Trách nhiệm công vụ của một số cán bộ tư pháp, pháp chế chưa cao; chưa tham mưu đầy đủ, kịp thời và hiệu quả trong triển khai nhiệm vụ và trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực công tác. Bên cạnh đó, số lượng cán bộ làm công tác tư pháp, pháp chế, nhất là cán bộ pháp chế chuyên trách ở địa phương giảm mạnh; đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã thường xuyên biến động.

- Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành ở Trung ương, giữa Trung ương với địa phương trong thực hiện công tác tư pháp trong một số trường hợp vẫn còn chưa kịp thời, chặt chẽ.

** Về khách quan:*

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài dẫn đến việc triển khai một số nhiệm vụ bị gián đoạn, khó khăn và chậm tiến độ, nhất là các lĩnh vực trực tiếp phục vụ người dân, doanh nghiệp như hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, THADS.

- Bên cạnh khối lượng lớn công việc thường xuyên, thời gian qua tiếp tục phát sinh rất nhiều công việc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền, với yêu cầu cao về chất lượng, tiến độ.

- Nguồn lực, kinh phí còn thiếu về số lượng và chưa đáp ứng yêu cầu trong khi khối lượng công việc là rất lớn, nhiều việc cấp bách.

Phần thứ hai:

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC NĂM 2022

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Dự báo tình hình quốc tế và trong nước tiếp tục có nhiều khó khăn, thách thức; dịch bệnh Covid-19 có thể xuất hiện phức tạp, nguy hiểm hơn. Nguy cơ chậm phục hồi kinh tế, suy giảm tăng trưởng vẫn còn tiềm ẩn nếu không kiểm soát được dịch bệnh một cách cơ bản để mở cửa trở lại nền kinh tế; rủi ro lạm phát gia tăng; thiên tai, biến đổi khí hậu là nguy cơ luôn tiềm ẩn. Dự báo sẽ tiếp tục phát sinh nhiều vấn đề pháp lý phức tạp trong điều hành phát triển KTXH cả ở trung ương và địa phương. Trong bối cảnh chung đó, bám sát Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, các định hướng về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao chất lượng tổ chức thi hành pháp luật, cải cách tư pháp; thể hiện trong các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tổng kết và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị liên quan đến các lĩnh vực công tác của Bộ, ngành Tư pháp; các chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, toàn ngành Tư pháp xác định nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện công tác tư pháp năm 2022 như sau:

I. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2022

1. Một số nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Tập trung tham mưu thể chế hóa những định hướng chính sách trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, các kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tiếp tục tham gia hiệu quả trong việc xây dựng, trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, ban hành và tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045. Tham mưu thực hiện hiệu quả, bảo đảm tiến độ, chất lượng Định hướng xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 của Quốc hội. Tập trung tham mưu về công tác thể chế và giải quyết các vấn đề pháp lý đảm bảo thực hiện Chiến lược phòng chống dịch bệnh Covid-19 và Chương trình

phục hồi phát triển KTXH trong bối cảnh “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19”. Xây dựng và trình Chính phủ, Quốc hội Đề nghị xây dựng Luật Công chứng (sửa đổi).

1.2. Tổ chức thi hành hiệu quả VBQPPL, nhất là các luật, pháp lệnh, nghị quyết mới được Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua và “chùm” Nghị định quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC. Tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, nhất là những vấn đề liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp. Chú trọng thực hiện có chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các công tác này, nhất là việc theo dõi, đôn đốc việc xử lý văn bản trái pháp luật, xử lý kết quả rà soát văn bản của các bộ, ngành, địa phương. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật theo định hướng chuyên đổi số trong công tác này; đẩy mạnh truyền thông chính sách pháp luật từ khâu xây dựng dự thảo để tạo sự đồng thuận xã hội.

1.3. Tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự khi được Quốc hội thông qua. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về THADS và các quy định của pháp luật có liên quan để giải quyết các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, nhất là các quy định liên quan đến việc thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế theo yêu cầu tại Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế. Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu THADS được Quốc hội giao năm 2022 trong bối cảnh thích ứng an toàn với dịch bệnh Covid-19. Bảo đảm 100% bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án về vụ án hành chính được theo dõi thi hành theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

1.4. Triển khai thực hiện Nghị định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp; kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan tư pháp các cấp; tăng cường phân công, phân cấp, phân quyền trong các cơ quan, đơn vị trong ngành Tư pháp gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và cá thể hóa trách nhiệm; nâng cao tinh thần trách nhiệm, vai trò gương mẫu của người đứng đầu. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2069/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành Tư pháp và Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Thực hiện quyết liệt các giải pháp để tiếp tục xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm về đào tạo pháp luật và xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

1.5. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp, chú trọng hoàn thiện pháp luật; chủ động kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, thanh tra đột xuất, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, nhất là trong hoạt động luật sư, công chứng, đấu giá tài sản; quan tâm phát triển hiệu quả, chất lượng hoạt động trọng tài, hòa giải thương mại; nâng cao trách nhiệm, vai trò tự quản của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực luật sư, công chứng. Phối hợp tổ chức thành công Đại hội đại biểu công chứng viên Việt Nam lần thứ hai.

1.6. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, giải quyết kịp thời yêu cầu của người dân, doanh nghiệp. Tập trung giải quyết các vấn đề quốc tịch cụ thể phát sinh trong thực tiễn. Nâng cao hiệu quả công tác TGPL, nhất là công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng.

1.7. Tích cực tham mưu với Chính phủ trong việc giải quyết các vụ việc tranh chấp phức tạp trong hoạt động đầu tư quốc tế. Thúc đẩy và khai thác hiệu quả quan hệ hợp tác trên cả ba bình diện toàn cầu, khu vực và song phương, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống; láng giềng và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác khác.

1.8. Tập trung, nâng cao chất lượng nguồn lực bảo đảm tiến độ xây dựng, chất lượng các dự án công nghệ thông tin, đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn 2021-2026 và năm 2022.

1.9. Đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ, Ngành và trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành Tư pháp. Tập trung nguồn lực xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2. Một số nhiệm vụ cụ thể trong các lĩnh vực

2.1. Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hợp nhất VBQPPL và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

- Tiếp tục đề xuất và thực hiện quyết liệt các giải pháp để triển khai hiệu quả Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW, Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án của Đảng đoàn Quốc hội về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Luật Ban hành VBQPPL và Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022; ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết luật, pháp lệnh. Nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ thẩm định các đề nghị, dự án, dự thảo VBQPPL, đặc biệt là các dự án, dự thảo phục vụ trực tiếp cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và phục hồi, phát triển KTXH, bảo đảm an sinh xã

hội. Thực hiện tốt các giải pháp cải thiện chỉ số Cải thiện chất lượng các quy định của pháp luật thuộc Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo (GII).

- Ưu tiên sửa đổi, hoàn thiện bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đầy đủ, còn vướng mắc, bất cập đã được rà soát, phát hiện; bảo đảm tiến độ, chất lượng sửa đổi, bổ sung các VBQPPL theo Danh mục tại Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 07/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra VBQPPL và chú trọng việc xử lý văn bản sau khi có kết luận kiểm tra. Tiếp tục rà soát các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đầy đủ, gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội, việc thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, tổ chức. Tập trung tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát VBQPPL, nhất là việc theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện rà soát văn bản, xử lý kết quả rà soát văn bản và thực hiện rà soát độc lập, chuyên sâu đối với các nhóm quy định pháp luật để phát hiện các quy định pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập, không còn phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển.

- Đẩy mạnh việc thực hiện, phân đầu hoàn thành việc xây dựng Bộ Pháp điển sớm hơn tiến độ đề ra; tăng cường thực hiện có hiệu quả việc tuyên truyền, phổ biến kết quả pháp điển đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân để sử dụng.

2.2. Công tác thi hành án dân sự

- Tiếp tục cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư; Kết luận số 05-KL/TW ngày 03/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021- 2025; Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025 và Chương trình hành động của Bộ Tư pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng vào lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác THADS. Tổ chức quán triệt và triển khai toàn diện các văn bản trên xuống các cấp cơ sở.

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả quy định các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các VBQPPL có liên quan về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến toàn thể công chức của Hệ thống THADS. Nghiên

cứu, đề xuất các nội dung liên quan đến THADS, THAHC, chế định Thừa phát lại theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”.

- Tiếp tục tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác THADS theo yêu cầu của Nghị quyết số 96/2019/QH14, trong bối cảnh thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19. Trong đó, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường các biện pháp bảo đảm thi hành hiệu quả phân tài sản trong các vụ án kinh tế, tham nhũng, thu hồi nợ của các tổ chức tín dụng; giảm thiểu vi phạm trong hoạt động THADS. Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thi hành án theo hướng đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian, đúng quy định của pháp luật.

- Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về THADS và các quy định của pháp luật có liên quan để giải quyết các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, nhất là các quy định liên quan đến việc thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế theo yêu cầu tại Chỉ thị số 04-CT/TW. Tăng cường sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp đối với công tác THADS; ban hành Nghị quyết của Ban cán sự về công tác THADS giai đoạn 2022-2025 để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác THADS, theo dõi THAHC phù hợp với tình hình mới.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ Chấp hành viên, công chức làm công tác THADS, bảo đảm đủ về số lượng, vững về chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng, thực sự liêm chính, hoạt động hiệu quả. Tổ chức thực hiện các giải pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng, sai phạm, trong đó trọng tâm thực hiện hiệu quả “Chương trình hành động đẩy mạnh phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng, sai phạm trong THADS” đến từng cơ quan, từng công chức của Hệ thống THADS.

- Lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường kiểm tra, thanh tra đối với công tác THADS, THAHC, trong đó trọng tâm là kiểm tra, giám sát đối với công tác thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; thu hồi nợ cho các tổ chức tín dụng; công tác xác minh, phân loại án; thẩm định giá, bán đấu giá tài sản thi hành án. Kiểm soát chặt chẽ, phòng ngừa vi phạm đối với tất cả các khâu của quá trình THADS; phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các sai phạm theo tinh thần “Không có vùng cấm, không có đặc quyền, không có ngoại lệ”; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng tham nhũng trong THADS, THAHC.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong việc kiểm sát công tác thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế; thu hồi tiền, tài sản cho các tổ chức tín dụng và những khâu nhạy cảm, dễ xảy ra tiêu cực, sai phạm.

- Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật TTHC năm 2015; các kiến nghị của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội về việc chấp hành pháp luật TTHC và THAHC và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15/11/2019; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác THAHC; tiếp tục đôn đốc Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện đúng, đầy đủ, hiệu quả và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, cấp trên trực tiếp của người phải thi hành án; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả THAHC trên địa bàn.

- Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng tiến độ các đề án, dự án đầu tư công liên quan đến THADS theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết về cơ sở vật chất cho các cơ quan THADS, nhất là trụ sở làm việc và kho vật chứng; kinh phí hoạt động; đầu tư xây dựng bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ và đúng quy định pháp luật.

- Củng cố, tăng cường hơn nữa công tác phối hợp liên ngành từ trung ương đến địa phương, bảo đảm nâng cao trách nhiệm và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan chức năng; chủ động tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương và các ban, bộ, ngành liên quan đối với công tác THADS, THAHC.

2.3. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường nhà nước

- Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành, Chương trình hành động quốc gia về đăng ký và thống kê hộ tịch; Kế hoạch của Chính phủ triển khai Thỏa thuận toàn cầu về di cư bất hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc (GCM). Đẩy nhanh tiến độ Dự án xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, tạo điều kiện để đẩy mạnh giải quyết các thủ tục đăng ký hộ tịch trên môi trường điện tử, kết nối chia sẻ dữ liệu hộ tịch cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

- Giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật việc cho nhập, cho thôi, cho trở lại quốc tịch Việt Nam theo đúng quy định, thuận lợi, an toàn cho người dân; tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu về quốc tịch Việt Nam để sớm kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Nghiên cứu, xây dựng Đề án về việc gia nhập Công ước 1961 về hạn chế tình trạng không quốc tịch. Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Tiểu Đề án “Giải quyết vấn đề quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân cho người di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam” trong giai đoạn 2022 - 2025, sau khi được gia hạn.

- Xây dựng và triển khai “Đề án thí điểm bỏ bản sao chứng thực từ bản chính trong một số lĩnh vực do Bộ Tư pháp quản lý”. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch. Tập trung nâng cao nghiệp vụ chứng thực cho đội ngũ công chức làm công tác chứng thực tại địa phương; đẩy mạnh cải cách TTHC theo hướng hiện đại, giảm

tải áp lực cho các cơ quan nhà nước, tạo thuận lợi cho người dân và tránh lãng phí xã hội trong công tác này.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành; Công ước La Hay số 33; các nhiệm vụ có liên quan đến công tác nuôi con nuôi được xác định tại Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030; Chương trình công tác xã hội giai đoạn 2021-2030. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực nuôi con nuôi. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Trung ương về con nuôi quốc tế.

- Tăng cường xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, bảo đảm thông tin lý lịch tư pháp luôn được cập nhật đầy đủ, kịp thời; tiếp tục triển khai giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu LLTP và quy trình tiếp nhận, tra cứu, xác minh và cấp phiếu LLTP. Tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật trong lĩnh vực bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và đăng ký biện pháp bảo đảm, trong đó, trọng tâm là nghiên cứu, khảo sát, đánh giá khả năng đề xuất lập đề nghị xây dựng “Luật Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”; tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống đăng ký trực tuyến biện pháp bảo đảm để đáp ứng tốt hơn nữa việc đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Thực hiện có hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án; tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra để nắm thực chất tình hình yêu cầu bồi thường và giải quyết bồi thường; chú trọng công tác hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường, bảo đảm việc yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường theo đúng quy định của pháp luật.

2.4. Công tác hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư; thực hiện có hiệu quả Kết luận số 69-KL/TW ngày 24/2/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 30/3/2009 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động của luật sư. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và phát triển đội ngũ luật sư có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, am hiểu pháp luật, giỏi về kỹ năng hành nghề và ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

Trình Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng, tập trung số hóa hoạt động công chứng; nâng cao chất lượng của đội ngũ công chứng viên. Chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức Đại hội đại biểu công chứng viên Việt Nam lần thứ hai.

- Tăng cường hướng dẫn, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, nhất là những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động giám định tư pháp theo đề nghị của các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan có liên quan phục vụ giải quyết các vụ án kinh tế, tham nhũng. Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp năm 2020. Tăng cường các biện pháp để triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 40/CT-TTg ngày 02/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý nhà nước trong hoạt động đấu giá tài sản. Kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Luật Đấu giá tài sản cho các địa phương.

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực đội ngũ đấu giá viên và chất lượng hoạt động đấu giá tài sản giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; nâng cao trách nhiệm pháp lý, trách nhiệm nghề nghiệp của đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản; chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra các tổ chức đấu giá tài sản. Nghiên cứu sửa đổi Nghị định số 62/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức triển khai thực hiện Đề án tăng cường năng lực cho trọng tài trong việc giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư phục vụ hội nhập quốc tế.

Tổng hợp, đăng tải danh sách cá nhân, tổ chức hành nghề trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là thí điểm triển khai việc chuyển đổi số và xây dựng phần mềm quản lý đối với một số lĩnh vực quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp như trong lĩnh vực luật sư, công chứng, đấu giá tài sản.

- Tiếp tục tổ chức thi hành hiệu quả Luật TGPL và các văn bản hướng dẫn thi hành, Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025; nghiên cứu đề xuất xây dựng Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả và uy tín của cơ quan, tổ chức trợ giúp pháp lý nhà nước và Đề án “tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác TGPL giai đoạn 2022 - 2026”; nghiên cứu, xây dựng chính sách TGPL cho người nghèo và người được TGPL khác tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn đến năm 2030 tại các địa phương có huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn theo Nghị quyết của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; triển khai các hoạt động TGPL trong các Chương trình mục tiêu quốc gia sau khi được phê duyệt; tiếp tục quản lý, theo dõi, hướng dẫn công tác TGPL của các địa phương; nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ TGPL và năng lực cho đội ngũ thực hiện TGPL để góp phần bảo đảm an sinh xã hội; tăng cường công tác phối hợp TGPL trong hoạt động tố tụng; tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về TGPL và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong công tác TGPL.

- Nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2022-2030” và tổ chức thực hiện. Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo, doanh nghiệp chịu tác động nặng nề của dịch bệnh Covid-19.

2.5. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hoà giải ở cơ sở; báo chí, xuất bản

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Phổ biến kịp thời và đầy đủ các luật mới được thông qua đến cán bộ, công chức và Nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt Đề án “Tổ chức thông tin, phổ biến chính sách quan trọng trong dự thảo VBQPPL để tạo đồng thuận xã hội” sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và vận hành Tủ sách pháp luật điện tử quốc gia theo Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật.

- Tổ chức tổng kết 10 năm thi hành Luật PBGDPL và tổ chức kỷ niệm 10 năm Ngày Pháp luật. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình PBGDPL giai đoạn 2022-2027; Đề án “Đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL”; Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp; chú trọng công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong PBGDPL; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về PBGDPL. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức PBGDPL; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL theo Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, gắn với việc thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động PBGDPL, trọng tâm là vận hành và quản lý, khai thác hiệu quả Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia. Tăng cường, phát huy vai trò của cơ quan truyền thông trong công tác tuyên truyền PBGDPL.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức tổng kết việc thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở” ban hành tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày

19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát, củng cố, xây dựng đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở, chú trọng thu hút lực lượng công an, bộ đội biên phòng, cán bộ công chức đã công tác trong lĩnh vực pháp luật tham gia công tác hòa giải ở cơ sở. Phối hợp với cơ quan dân vận các cấp trong việc đẩy mạnh thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở gắn với phong trào thi đua “dân vận khéo” nhằm nâng cao hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu tình hình mới.

Triển khai có hiệu quả Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg. Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025.

- Đẩy mạnh công tác báo chí, truyền thông về các lĩnh vực công tác của Bộ, ngành Tư pháp. Tiếp tục cải tiến về nội dung và hình thức của các ấn phẩm báo chí, xuất bản, chủ động mở thêm các chuyên mục, chuyên trang điện tử; bám sát các sự kiện chính trị - pháp lý của đất nước, các nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, Ngành; phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của bạn đọc. Thực hiện giải pháp để đưa công tác phát hành sách, báo, tạp chí pháp luật ngày càng phát triển bền vững. Đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1321/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 bảo đảm tinh gọn, chất lượng, hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa theo từng lĩnh vực chuyên ngành, trong đó có nhà xuất bản chuyên về xuất bản sách pháp luật, sách lý luận, chính trị. Chủ động cung cấp thông tin cho báo chí; nắm bắt thông tin qua phản ánh của các cá nhân, tổ chức và thông tin phản ánh từ báo chí để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

2.6. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật

- Tổ chức thi hành tốt Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này. Tập trung xây dựng Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính. Chú trọng đẩy mạnh công tác kiểm tra, tập huấn, hướng dẫn thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật.

- Tiến hành theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 theo Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của Bộ Tư pháp năm 2022. Tăng tốc hoàn thành các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật nêu tại “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật” giai đoạn năm 2018-2022, tổ chức tổng kết việc thực hiện Đề án và nghiên cứu đề xuất hoàn thiện thể chế về tổ chức thi hành pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật, góp phần cải thiện điểm số, duy trì thứ hạng chỉ số B1. Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu và thực hiện công tác truyền thông về xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật và chỉ số B1.

2.7. Công tác pháp luật quốc tế, hợp tác quốc tế về pháp luật

- Tích cực tham mưu với Chính phủ trong việc chủ động phòng ngừa và tăng cường năng lực giải quyết tranh chấp, khiếu kiện trong hoạt động đầu tư quốc tế, bảo đảm quyền lợi của Chính phủ, người dân, doanh nghiệp. Tham gia tích cực vào việc xử lý các vấn đề pháp luật quốc tế trong quá trình hội nhập. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác điều ước quốc tế; thực hiện tốt vai trò cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị.

- Tổng kết 15 năm thi hành Luật Tương trợ tư pháp. Triển khai sáng kiến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự trong khuôn khổ ASLOM 21: Tổ chức diễn đàn pháp luật ASEAN về các công ước của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế.

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 39-CT/TW và Kết luận 73-KL/TW của Ban Bí thư, tập trung vào công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm. Thực hiện nghiêm Quyết định số 94-QĐ/BCS ngày 21/01/2019 của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp phê duyệt Đề án về các giải pháp phòng ngừa, tác động can thiệp vào hoạt động xây dựng pháp luật thông qua hợp tác quốc tế về pháp luật. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về pháp luật và cải cách tư pháp. Tiếp tục chủ động, sáng tạo và có giải pháp phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp để tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác trên cả ba bình diện toàn cầu, khu vực và song phương, trong đó chú trọng và thực hiện hiệu quả, thực chất các hoạt động hợp tác với các đối tác đặc biệt, trọng tâm là Lào, Campuchia, Cu Ba; thúc đẩy và khai thác hiệu quả quan hệ hợp tác với các đối tác lớn, quan trọng của Bộ Tư pháp; xây dựng kế hoạch tăng cường cử đại diện của Bộ Tư pháp tham gia/làm việc tại các tổ chức quốc tế mà Bộ Tư pháp đang được Chính phủ giao là cơ quan đầu mối quốc gia; tìm kiếm khả năng đàm phán các chương trình, dự án, phi dự án hợp tác mới hỗ trợ Bộ, Ngành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 và giai đoạn tới trên cơ sở bám sát nguyên tắc, chủ trương của Đảng và quy định của pháp luật về hợp tác với nước ngoài về pháp luật và tư pháp. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại góp phần duy trì hình ảnh, củng cố vị thế và nâng cao uy tín của Bộ, ngành Tư pháp trong quan hệ hợp tác quốc tế.

2.8. Công tác xây dựng Ngành; đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học pháp lý

- Tiếp tục rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ, ngành Tư pháp đảm bảo tinh gọn về bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần của Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số

2069/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu thuộc ngành Tư pháp và Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của ngành Tư pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Triển khai hiệu quả đề án vị trí việc làm, khung năng lực vị trí việc làm, góp phần quan trọng vào việc thực hiện cải cách các chính sách công vụ, chính sách tiền lương. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan THADS.

- Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước. Thực hiện tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp, nhất là đội ngũ cán bộ tư pháp cơ sở. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực thực hiện nhiệm vụ và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong toàn Ngành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tổ chức thực hiện các Đề án mới về xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội thành trường trọng điểm về đào tạo pháp luật; xây dựng Học viện Tư pháp thành Trung tâm lớn đào tạo các chức danh tư pháp sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có liên quan được xác định tại Đề án kiểm soát chất lượng đạo tạo cử nhân luật.

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học pháp lý, trước hết là những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp, qua đó để sắp xếp, đổi mới các lĩnh vực công tác có liên quan, tạo sự chuyển biến tích cực trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Bộ, Ngành, đóng góp tích cực hơn cho sự phát triển KTXH. Tích cực, chủ động tham gia vào việc xây dựng Nghị quyết của Hội nghị Trung ương về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Tiếp tục tổ chức rà soát, tổng kết tình hình thực hiện và đề xuất hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, đội ngũ người làm công tác pháp chế quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành để có kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2011/NĐ-CP cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

2.9. Công tác quản lý ngân sách - tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản, kế hoạch, thống kê

- Thực hiện công tác quản lý ngân sách, tài sản, đầu tư theo đúng quy định và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, bảo đảm đáp ứng tốt việc triển khai nhiệm vụ chính trị của Bộ, Ngành. Tập trung nguồn lực để giải quyết dứt điểm các dự án còn tồn đọng trong giai đoạn 2016-2021 và tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch

đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2022 đúng tiến độ, hiệu quả.

- Chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch công tác phù hợp với chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tiễn công tác; triển khai đúng trọng tâm, theo tiến độ Chương trình hành động của Bộ Tư pháp, ngành Tư pháp thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2021-2025; nâng cao chất lượng các ý kiến tham gia của Bộ, ngành Tư pháp trong góp ý kế hoạch, chương trình mang tính chiến lược, dài hạn của Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Phần mềm thống kê ngành Tư pháp; bảo đảm tính chính xác của số liệu; đẩy mạnh phân tích số liệu thống kê; gắn việc phân tích số liệu với việc xây dựng các định hướng, nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác của Bộ, Ngành; tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án “Biên soạn Niên giám thống kê ngành Tư pháp hằng năm.

2.10. Công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

- Triển khai, thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra theo đúng Kế hoạch công tác năm 2022 đã được phê duyệt. Tăng cường công tác thanh tra đột xuất. Chú trọng việc giám sát hoạt động của các Đoàn thanh tra thường xuyên kể từ ngày công bố quyết định thanh tra đến ngày kết thúc việc thanh tra tại nơi được thanh tra. Tích cực theo dõi việc thực hiện các Kết luận thanh tra, Quyết định giải quyết khiếu nại, Kết luận nội dung tố cáo, Quyết định xử lý tố cáo.

- Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng; nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân gửi tới Bộ Tư pháp, các Sở Tư pháp và Hệ thống THADS. Tiếp tục rà soát, đôn đốc, chỉ đạo giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài, coi đây là việc làm thường xuyên.

2.11. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin; thi đua, khen thưởng

- Nâng cấp, mở rộng, phát triển, triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và phần mềm ứng dụng; triển khai mở rộng hệ thống nền tảng, kết nối chia sẻ dùng chung của Bộ, ngành Tư pháp. Triển khai các Dự án đầu tư về Công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2025; hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới phát triển Chính phủ số.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của ngành Tư pháp giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch chuyển đổi số ngành Tư pháp giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030; nâng cấp các dịch vụ công trực tuyến do Bộ, ngành Tư pháp cung cấp lên mức độ 3, 4 và thực hiện có hiệu quả

việc kết nối, cung cấp các dịch vụ này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, của Bộ và của các địa phương.

- Tổ chức có hiệu quả, thiết thực các phong trào thi đua do Bộ, Ngành phát động, thúc đẩy sự lan tỏa các phong trào thi đua. Tiếp tục ban hành sớm các tiêu chí thi đua, xếp hạng các Sở Tư pháp, Cục THADS, bảo đảm thống nhất, phù hợp với triển khai công việc chuyên môn của Bộ, Ngành. Thực hiện hiệu quả việc xếp hạng các đơn vị thuộc Bộ.

2.12. Công tác Đảng - đoàn thể

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, phổ biến và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; thực hiện có hiệu quả cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh sát với điều kiện thực tiễn của Bộ, ngành Tư pháp. Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, các phong trào thi đua yêu nước; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tổ chức bộ máy, cán bộ và phát triển đảng viên, kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng, dân vận và lãnh đạo các đoàn thể chính trị xã hội.

- Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cần tiếp tục đổi mới, phong phú và đa dạng hơn, cả về nội dung và hình thức, bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng; phát huy vai trò của các tổ chức tham mưu giúp việc; huy động được sự tham gia của các hội viên, đoàn viên; tích cực tham gia công tác xây dựng đảng, chính quyền và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và thường xuyên chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, đoàn viên; tiếp tục thực hiện các hoạt động để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

II. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2022, Bộ, ngành Tư pháp xác định một số giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hiệu lực, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu; tăng cường công tác cải cách hành chính; thực hiện nghiêm các chương trình, kế hoạch công tác, ưu tiên thực hiện những nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến việc phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và thực hiện mục tiêu phát triển KTXH năm 2022 bảo đảm hiệu quả và thích ứng với điều kiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

2. Tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng Ngành; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức, người lao động trong toàn Ngành.

3. Chủ động hơn nữa trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi

số vào công tác của Bộ, ngành Tư pháp theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp thứ nhất của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, nhất là trong công tác chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp và phổ biến, giáo dục pháp luật.

4. Chú trọng công tác phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan và cấp ủy, chính quyền các cấp trong chỉ đạo, điều hành công tác tư pháp từ Trung ương đến địa phương; chủ động, kịp thời báo cáo, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền đề xin ý kiến chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Bộ, Ngành.

5. Phát huy hiệu quả các công cụ quản lý, kiểm tra, thanh tra; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm khi có sai phạm; đồng thời, kịp thời động viên, khích lệ các tập thể, cá nhân nỗ lực đạt kết quả cao, sáng tạo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác năm 2022.

Bộ, ngành Tư pháp mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các bộ, ngành và cấp ủy, chính quyền các cấp để đưa công tác tư pháp tiếp tục phát triển bền vững, đóng góp tích cực cho sự phát triển KTXH của đất nước và của từng địa phương. /*Ư*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (để báo cáo);
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTgTTCP Phạm Bình Minh (để báo cáo);
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn Phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng, STP, Cục THADS các tỉnh, TP trực thuộc TW (để thực hiện);
- Lưu: VT, VP (TH&KSTTHC).



Phan Chí Hiếu

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 1

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ KẾT QUẢ
XÂY DỰNG BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

*Số thực hiện: 11 tháng đối với Bộ, Ngành (01/01/2021-30/11/2021); 10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021);
Số ước tính: 01 tháng đối với Bộ, Ngành (01/12/2021-31/12/2021); 02 tháng đối với địa phương (01/11/2021-31/12/2021).*

Đơn vị tính: văn bản

	Số văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do các Bộ, Ngành chủ trì soạn thảo được ban hành					Số văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành					
	Chia ra					Chia ra					
	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 01 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 11 tháng trong kỳ báo cáo			Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo			
			Tổng số	Thông tư của Bộ, ngành	Trong đó Thông tư liên tịch với TANDTC, VKSNDTC, bộ ngành			Tổng số	Tại cấp tỉnh	Tại cấp huyện	Tại cấp xã
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số tại địa bàn cả nước	784	66	718	578	1	8.099	1.350	6.749	3.016	1.576	2.157
I. Tại các Bộ, ngành ở Trung ương (chưa gồm Bộ Tư pháp)	763	64	699	568	1	-	-	-	-	-	-
II. Tại Bộ Tư pháp	21	2	19	10	0	-	-	-	-	-	-
III. Tại các địa phương	-	-	-	-	-	8.099	1.350	6.749	3.016	1.576	2.157

Ghi chú:

Ô có dấu "-": Số liệu không phát sinh

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 2

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 11 tháng đối với Bộ, Ngành (01/01/2021-30/11/2021); 10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021);
Số ước tính: 01 tháng đối với Bộ, Ngành (01/12/2021-31/12/2021); 02 tháng đối với địa phương (01/11/2021-31/12/2021).

Đơn vị tính: Văn bản/TTTC

	Số dự thảo VBQPPL do Bộ Tư pháp và các tổ chức pháp chế Bộ (Ngành) thẩm định				Số đề nghị xây dựng VBQPPL				Số dự thảo VBQPPL do cơ quan tư pháp thẩm định						Số TTTC quy định tại dự thảo VBQPPL đã được thẩm định			
	Chia ra				Chia ra				Chia ra						Chia ra			
	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 01 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 11 tháng trong kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng cuối kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng cuối kỳ báo cáo	Số dự thảo VBQPPL do Phòng Tư pháp thẩm định		Số dự thảo VBQPPL do Sở Tư pháp thẩm định		Chia ra		Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính		
									Tổng số ước tính 1 năm	Số thực hiện 10 tháng cuối kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số thực hiện 10 tháng cuối kỳ báo cáo	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng cuối kỳ báo cáo			Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng cuối kỳ báo cáo
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Tổng số tại địa bàn cả nước	866	72	794	355	56	299	6.784	1.131	5.653	1.879	313	1.566	4.904	817	4.087	948	90	858
I. Tại các Bộ, ngành ở Trung ương (chưa gồm Bộ Tư pháp)	634	53	581	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	58	5	53
II. Tại Bộ Tư pháp	232	19	213	43	4	39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	756	63	693
III. Tại các địa phương	-	-	-	312	52	260	6.784	1.131	5.653	1.879	313	1.566	4.904	817	4.087	134	22	112

Ghi chú:

0 có dấu "-": Số liệu không phát sinh

Số liệu dòng "II. Tại Bộ Tư pháp" ở cột 4,5,6 là số "đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh do Chính phủ trình", do Bộ Tư pháp thẩm định

Số liệu dòng "III. Tại các địa phương" ở cột 4,5,6 là số "đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình" do Sở Tư pháp thẩm định

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 3.

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ LÀM CÔNG TÁC PHÁP CHẾ
Kỳ báo cáo: Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)*Số thực hiện: 11 tháng đối với Bộ, Ngành (01/01/2021-30/11/2021);
10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021).*

	Tổ chức pháp chế (Số thực hiện)			Số công chức, viên chức làm công tác pháp chế (Số thực hiện) (Người)		
	Có tổ chức bộ máy (Phòng/ Ban thuộc cơ cấu	Chưa thành lập tổ chức, cử công chức, viên chức chuyên trách	Chưa thành lập tổ chức, cử công chức, viên chức kiêm nhiệm	Tổng số	Chia theo tính chất	
					Chuyên trách	Kiểm nhiệm
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số tại địa bàn cả nước	367	455	1.229	8.309	2.432	5.877
I. Tại các Bộ, ngành ở Trung ương	148	182	20	4.037	1.283	2.754
II. Tại các doanh nghiệp nhà nước ở trung ương	163	13	114	1.735	616	1.119
II. Tại các địa phương	56	260	1.095	2.537	533	2.004

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 4-5

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ KIỂM TRA VĂN BẢN THEO THẨM QUYỀN VÀ KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 11 tháng đối với Bộ, Ngành (01/01/2021-30/11/2021); 10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 01 tháng đối với Bộ, Ngành (01/12/2021); 02 tháng đối với địa phương (01/11/2021-31/12/2021).

Đơn vị tính: Văn bản

	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) đã kiểm tra theo thẩm quyền (bao gồm kỳ trước chuyển sang)			Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát (trong kỳ báo cáo)			Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)			Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)					
	Chia ra			Chia ra			Chia ra			Chia ra					
	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng số tại địa bàn cả nước	12.366	1.493	10.873	29.955	4.559	25.396	24.566	5.581	859	4.722	3.877	596	88	508	346
I. Tại các Bộ, Ngành ở Trung ương	6.809	567	6.242	5.204	434	4.770	4.770	853	71	782	551	139	12	127	106
II. Tại các địa phương	5.557	926	4.631	24.751	4.125	20.626	19.796	4.728	788	3.940	3.326	457	76	381	240

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 6

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ SỐ TUYỂN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT CẤP XÃ
VÀ BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT TRÊN CẤP QUỐC**

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 11 tháng đối với Bộ, Ngành (01/01/2021-30/11/2021);**10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021).**

	<i>Đơn vị tính: Người</i>			
A	Tuyển truyền viên pháp luật cấp xã (1)	Báo cáo viên pháp luật cấp huyện (2)	Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh (3)	Báo cáo viên pháp luật cấp Trung ương (4)
Tổng cả nước (Số thực hiện)	145.531	17.548	7.368	1.624
I. Tổng số tại các Bộ, Ngành ở Trung ương	-	-	-	1.624
II. Tổng số tại các địa phương	145.531	17.548	7.368	-

Ghi chú:

Số liệu tại cột 4 là theo cáo cáo của các bộ, ngành. Theo quản lý của Bộ Tư pháp (Vụ PBGDPL), số báo cáo viên pháp luật cấp Trung ương tính đến ngày 08/7/2021 là 2.355 người.

Ô có dấu "-" Số liệu không phát sinh

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 7

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ KẾT QUẢ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (PBGDPL)

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 11 tháng đối với Bộ, Ngành (01/01/2021-30/11/2021); 10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021);
Số ước tính: 01 tháng đối với Bộ, Ngành (01/12/2021-31/12/2021); 02 tháng đối với địa phương (01/11/2021-31/12/2021).

	PBGDPL trực tiếp				Thi tìm hiểu pháp luật				Số tài liệu PBGDPL được phát hành (Bản)			Kinh phí dành cho công tác PBGDPL (Đồng)						
	Số cuộc (Cuộc)		Số lượt người tham dự (số thực hiện) (Lượt người)	Số lượt người dự thi (số thực hiện) (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)		Số ước tính	Số ước tính	Số ước tính	Chia ra		Tổng số kinh phí (số thực hiện)	Chia ra					
	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính			Số thực hiện	Số ước tính				Số thực hiện	Số ước tính		Số thực hiện	Số ước tính	Số thực hiện	Số ước tính	Số thực hiện	Kinh phí NSNN phân bổ thường xuyên (số thực hiện)
			(1)	(2)			(3)	(4)	(5)			(6)						
A																		
Tổng số tại địa bàn cả nước	628.972	104.570	524.402	39.597.952	10.878	1.800	9.078	10.842.318	68.649.475	11.329.892	57.319.583	575.212.437.829	355.043.569.416	198.121.073.805	25.841.434.608			
I. Tại các Bộ, Ngành ở Trung ương	3.104	259	2.845	1.292.951	148	12	136	1.051.957	1.340.245	111.687	1.228.558	87.403.931.360	17.629.561.360	71.788.010.000	1.780.000.000			
II. Tại các địa phương	625.868	104.311	521.557	38.305.001	10.730	1.788	8.942	9.790.361	67.309.230	11.218.205	56.091.025	487.808.506.469	337.414.008.056	126.333.063.805	24.061.434.608			

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 8

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ TỒ CHỨC VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỒ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

	Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật		Số xã, phường, thị trấn đạt		Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo)	Số vụ việc hòa giải thành				Số vụ việc chưa giải quyết xong (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo)		Kinh phí hỗ trợ cho tổ hòa giải/hòa giải viên (Đồng)
	Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Chia ra			Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số vụ việc hòa giải không thành (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo)	Số vụ việc hòa giải thành (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo)	Chia ra		Số vụ việc chưa giải quyết xong (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo)	
			Tổng cộng	Số xã	Số phường, thị trấn				Tổng số ước tính 1 năm	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số tại địa bàn cả nước	88.334	549.460	8.582	6.694	1.888	94.463	88.181	14.697	73.484	18.108	2.871	36.535.513.994

Biểu mẫu số 10

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VÈ KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, ĐĂNG KÝ KẾT HÔN TRONG NƯỚC
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN CẢ NƯỚC**

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

	ĐĂNG KÝ KHAI SINH (Trường hợp)					ĐĂNG KÝ KHAI TỬ (Trường hợp)					ĐĂNG KÝ KẾT HÔN (Cặp)								
	Đăng ký mới			Đăng ký lại		Đăng ký mới			Đăng ký lại		Đăng ký mới			Đăng ký lại					
	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
Tổng số tại địa bàn cả nước	2.754.290	459.048	2.295.242	1.298.235	2.526.820	421.137	2.105.683	596.497	99.416	497.081	15.978	2.663	13.315	471.377	78.563	392.814	26.878	4.480	22.398

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 11

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ KẾT QUẢ CHỨNG THỰC
TẠI CÁC PHÒNG TƯ PHÁP VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP XÃ,
TÒ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG (CC) TRÊN CẢ NƯỚC
Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)**

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

	Số bản sao (Bản)				Số việc chứng thực hợp đồng, giao dịch và các giấy tờ, văn bản khác (Việc)							
	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo		Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo					
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số cả nước	81.017.773	13.502.962	67.514.811	1.875.028	51.328.271	14.311.512	6.959.513	1.159.919	5.799.594	436.086	4.777.751	585.757

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 12

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐÃ CẤP
Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)**

Số thực hiện: 11 tháng đối với Trung tâm LLTPQG (01/01/2021-30/11/2021); 10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021);
Số ước tính: 01 tháng đối với Trung tâm LLTPQG (01/12/2021-31/12/2021); 02 tháng đối với địa phương (01/11/2021-31/12/2021).

Đơn vị tính: Phiếu

	SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1 ĐÃ CẤP										SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 2 ĐÃ CẤP							
	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện			Chia theo nội dung	Tổng số	Chia theo đối tượng yêu cầu cấp LLTP			Số ước tính	Tổng số	Số thực hiện					
			Tổng số	Chia theo đối tượng yêu cầu cấp LLTP	Chia theo nội dung			Tổng số	Chia theo đối tượng yêu cầu cấp LLTP	Chia theo nội dung xác nhận về tình trạng án tích			Chia theo nội dung xác nhận về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
A																		
TỔNG SỐ CÁ NƯỚC	356.838	57.848	298.990	263.107	35.770	113	296.594	2.396	198.532	167.637	165.628	1.980	29	164.759	2.878	167.607	30	
Tại Trung tâm LLTPQG	19.507	1.626	17.881	3.930	13.951	-	17.881	-	26.320	24.127	23.027	1.100	-	24.115	12	24.127	-	
Tổng số tại các địa phương	337.331	56.222	281.109	259.177	21.819	113	278.713	2.396	172.212	143.510	142.601	880	29	140.644	2.866	143.480	30	

Ghi chú:

0 có dấu "-"

Số liệu bằng 0

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 13

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ SỐ NGƯỜI CÓ LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 11 tháng đối với Trung tâm LLTPQG (01/01/2021-30/11/2021); 10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 01 tháng đối với Trung tâm LLTPQG (01/12/2021-31/12/2021); 02 tháng đối với địa phương (01/11/2021-31/12/2021).

Đơn vị tính: Người

	Số công dân Việt Nam có LLTP					Số người nước ngoài có LLTP						
	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện			Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện				
			Tổng số	Chia ra				Tổng số	Số ước tính	Chia ra		
				Nam	Nữ					Nam	Nữ	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
TỔNG SỐ CẢ NƯỚC	91.879	15.313	76.566	57.309	10.267	8.990	496	83	413	281	24	108
Tại Trung tâm LLTPQG	1.434	239	1.195	787	169	239	316	53	263	138	17	108
Tổng số tại các địa phương	90.445	15.074	75.371	56.522	10.098	8.751	180	30	150	143	7	-

Ghi chú:

Ô có dấu "-"

Số liệu bằng 0

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 14

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ SỐ LƯỢNG THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP NHẬN ĐƯỢC VÀ XỬ LÝ
Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)**

Số thực hiện: 11 tháng đối với Trung tâm LLTPQG (01/01/2021-30/11/2021); 10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 01 tháng đối với Trung tâm LLTPQG (01/12/2021-31/12/2021); 02 tháng đối với địa phương (01/11/2021-31/12/2021).

Đơn vị tính: Thông tin

	Số lượng thông tin LLTP nhận được			Số lượng thông tin LLTP chia theo khâu xử lý					
	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại		Lập LLTP, cập nhật bổ sung			
				Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
TỔNG SỐ CẢ NƯỚC	549.197	91.533	457.664	550.637	91.773	458.864	392.027	65.338	326.689
Tại Trung tâm LLTPQG	72.701	12.117	60.584	72.701	12.117	60.584	6.202	1.034	5.168
Tổng số tại các địa phương	476.496	79.416	397.080	477.936	79.656	398.280	385.825	64.304	321.521

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 15
TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ
NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN CẢ NƯỚC
Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

Đơn vị tính: Người

		Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo											
	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Tổng số	Chia theo độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi						Chia theo nơi cư trú của trẻ em trước khi được nhận làm con nuôi			
				Dưới 01 tuổi		Từ 01 đến dưới 5 tuổi		Từ 5 tuổi trở lên		Cơ sở nuôi dưỡng	Gia đình	Nơi khác	
				Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ				
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
Tổng số tại địa bàn cả nước	2.136	356	1.780	511	484	227	200	190	168	26	1.452	302	

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 16
**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM
 BẢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT VÀ TÀU BAY, TÀU BIỂN**

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 11 tháng đối với Bộ, Ngành (01/01/2021-30/11/2021); 10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 01 tháng đối với Bộ, Ngành (01/12/2021-31/12/2021); 02 tháng đối với địa phương (01/11/2021-31/12/2021).

	SỐ THỤ LÝ						SỐ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT											
	Đăng ký biện pháp bảo đảm(Phiếu)			Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm (Phiếu)			Trường hợp không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm (Trường hợp)			Đăng ký biện pháp bảo đảm(Phiếu)			Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm (Phiếu)			Trường hợp không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm (Trường hợp)		
	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 01 năm	Số ước tính	Số thực hiện
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
A																		
TỔNG SỐ CẢ NƯỚC	2.777.250	462.845	2.314.405	12.509	2.085	10.424	131.783	21.964	109.819	2.772.674	462.082	2.310.592	12.509	2.085	10.424	131.512	21.919	109.593
I. Tại Bộ Giao thông vận tải	362	30	332	0	0	0	0	0	0	362	30	332	0	0	0	0	0	0
II. Tại địa bàn tỉnh/thành phố	2.776.888	462.815	2.314.073	12.509	2.085	10.424	131.783	21.964	109.819	2.772.312	462.052	2.310.260	12.509	2.085	10.424	131.512	21.919	109.593

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 17

KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ BIÊN PHÁP BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, THÔNG BÁO KÊ BIÊN TÀI SẢN LÀ ĐỘNG SẢN (TRỤ TÀU BAY, TÀU BIỂN) VÀ KẾT QUẢ THÔNG BÁO VỀ VIỆC THỂ CHẤP PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 11 tháng (01/01/2021-30/11/2021)

Số ước tính: 01 tháng (01/12/2021-31/12/2021)

	SỐ THU LÝ					SỐ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT		
	Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên (Phiếu)	Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản để thi hành án dân sự (Phiếu)	Phiếu yêu cầu thông báo về việc thể chấp phương tiện giao thông (Phiếu)	Trường hợp không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm (Trường hợp)	Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên (Phiếu)	Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản để thi hành án dân sự (Phiếu)	Phiếu yêu cầu thông báo về việc thể chấp phương tiện giao thông (Phiếu)	Trường hợp không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm (Trường hợp)
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số ước tính 01 năm	731.949	6.651	391.600	0	731.949	6.651	391.600	0
Số ước tính 01 tháng cuối kỳ báo cáo	60.996	554	32.633	0	60.996	554	32.633	0
Số thực hiện 11 tháng tại các Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký Quốc gia GDDB	670.953	6.097	358.967	0	670.953	6.097	358.967	0

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 18 - 19

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ KẾT QUẢ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ
 Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);
 Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

Số lượt người đã được trợ giúp pháp lý <i>(Lượt người)</i>		Số vụ việc trợ giúp pháp lý <i>(Số việc)</i>										Số vụ việc kết thúc trong kỳ báo cáo <i>(Số thực hiện)</i>						
		Tổng số vụ việc thực hiện trong kỳ báo cáo					Số thực hiện					Số ước tính	Tổng số ước tính 1 năm	Tổng số ước tính 1 năm	Tổng số thực hiện	Phân theo người thực hiện TGPL		
Chia ra	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính	Tổng số	Tổng số	Trong đó: tham gia tổ tụng			Các lĩnh vực PL khác	Tổng số ước tính 1 năm					Số ước tính	Tổng số thực hiện	Trợ giúp viên pháp lý
							PL Hình sự	PL dân sự, HNGD	PL Hành chính			Các lĩnh vực PL khác						
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Tổng số tại địa bàn cả nước	22.054	3.676	18.378	38.640	6.440	32.200	27.606	21.125	6.023	350	108	22.054	3.676	18.378	15.277	2.998	98	5

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 20

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ TỒ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ THANH LÝ TÀI SẢN
 Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);
 Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

Số Chi nhánh của Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo) (Chi nhánh)	Số Văn phòng đại diện của Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo) (Văn phòng)	Số Văn phòng đại diện của Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo) (Người)	Số vụ việc đã tiếp nhận (gồm cả nước chuyển sang)		Số vụ việc đã giải quyết xong			Số vụ việc đang giải quyết			Số vụ việc chờ xử lý, thanh lý tài sản (Vụ việc)			Số tiền thu lao thu được (đồng)			Số tiền nộp thuế và nghĩa vụ tài chính (đồng)			Số liên hệ chủ và số doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (DNQLTS) (Doanh nghiệp)		Số liên hệ chủ về số quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân (Người)
			Số vụ việc đã tiếp nhận (gồm cả nước chuyển sang)	Số vụ việc đã giải quyết xong	Số vụ việc đang giải quyết	Số vụ việc chờ xử lý, thanh lý tài sản (Vụ việc)	Số vụ việc đã tiếp nhận (gồm cả nước chuyển sang)	Số vụ việc đã giải quyết xong	Số vụ việc đang giải quyết	Số vụ việc chờ xử lý, thanh lý tài sản (Vụ việc)	Số tiền thu lao thu được (đồng)	Số tiền nộp thuế và nghĩa vụ tài chính (đồng)	Số liên hệ chủ và số doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (DNQLTS) (Doanh nghiệp)	Số liên hệ chủ về số quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân (Người)								
															Số vụ việc đã tiếp nhận (gồm cả nước chuyển sang)		Số vụ việc đã giải quyết xong		Số vụ việc đang giải quyết		Số tiền thu lao thu được (đồng)	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)			
Tổng số	3	1	74	127	21	106	8	1	7	99	108.000.000	18.000.000	90.000.000	44.400.000	7.400.000	37.000.000						
I. Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	3	1	74	71	12	59	0	0	0	59	0	0	0	42.000.000	7.000.000	35.000.000				31	57	
II. Quản tài viên đăng ký hành nghề cá nhân	-	-	-	56	9	47	8	1	7	40	108.000.000	18.000.000	90.000.000	2.400.000	400.000	2.000.000						319

Ghi chú: Số liệu tại cột 17, 18, 19 chỉ có số liên tổng số
 0 có dấu "-": không phát sinh số liệu

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 21

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẤU GIÁ TÀI SẢN (ĐGTS)

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

	Tổng số đấu giá viên (Người)	Số cuộc bán đấu giá đã thực hiện (Cuộc)							Tổng số tiền thù lao dịch vụ đấu giá thu được (Đồng)			Số tiền nộp ngân sách/thuế (Đồng)			Số liệu ghi chú về số tổ chức ĐGTS (Tổ chức)	
		Tổng số cuộc		Số cuộc ĐG thành		Trong đó			Chia ra			Chia ra			Số tổ chức ĐGTS đăng ký hoạt động tại STP	Số tổ chức ĐGTS giữ báo cáo
		Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo			
														(2)	(3)	(4)
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
Tổng số tại địa bàn cả nước	1.152	31.588	5.265	26.323	24.911	4.152	20.759	347.223.203.832	57.870.533.972	289.352.669.860	29.380.802.444	4.896.800.407	24.484.002.037	475	576	

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 22

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VÊ TỐ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÀI
 Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);
 Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

Số Chỉ nhánh (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo) (Tổ chức)	Số Văn phòng đặt tại viện (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo) (Người)	Số trong kỳ báo cáo	Số vụ việc đã tiếp nhận (Vụ việc)				Hoạt động giải quyết tranh chấp bằng trọng tài (Vụ việc)				Tổng số tiền đã nộp thuế và nghĩa vụ tài chính (đồng)				Số tổ chức trọng tài có báo cáo (Tổ chức)	Số tổ chức đăng động tại Sở Tr pháp (Tổ chức)					
			Số vụ việc đã tiếp nhận (Vụ việc)		Số vụ việc đã có phán quyết trọng tài và hòa giải thành		Số vụ việc đã có phán quyết trọng tài và hòa giải thành		Số vụ việc đã nộp thuế và nghĩa vụ tài chính (đồng)		Số vụ việc đã nộp thuế và nghĩa vụ tài chính (đồng)		Số tổ chức trọng tài có báo cáo (Tổ chức)								
			Chia ra		Chia ra		Chia ra		Chia ra		Chia ra										
			Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 10 tháng trong kỳ báo cáo	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo		Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo							
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
Tổng số		11	6	941	596	99	497	448	75	373	3	124	87.485.527.235	14.580.921.206	72.904.606.029	11.355.262.336	1.892.543.723	9.462.718.613			
I. Trung tâm trọng tài		11	6	899	596	99	497	448	75	373	3	124	87.485.527.235	14.580.921.206	72.904.606.029	11.355.262.336	1.892.543.723	9.462.718.613	26		
II. Chi nhánh/Văn phòng đại diện tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		-	-	42	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	39

* Ghi chú:

Số vụ việc đã tiếp nhận và Số vụ việc đã có phán quyết trọng tài và hòa giải thành giám nhiều do số liệu tại TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh giảm mạnh (Tại Hà Nội chỉ có 2/10 tổ chức trọng tài có báo cáo, TP HCM có 16/20 tổ chức trọng tài có báo cáo)
 0 có dấu " ": không phát sinh số liệu

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 23

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA LUẬT SƯ TRONG NƯỚC
 Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);
 Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

	Số Luật sư hành nghề tại tổ chức (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo) (Người)		Số việc thực hiện xong (Việc)				Doanh thu (đồng)				Số liệu ghi chú về				
	Tổng số	Trong đó: Số luật sư nước ngoài làm việc tại tổ chức	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo		Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo		Tổng số ước tính 1 năm		Chưa ra		Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Số tờ chức hành nghề có báo cáo	Tổng số tờ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động tại STP	Số Luật sư là thành viên của Đoàn Luật sư địa phương
			Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Tổng số	Số việc tố tụng	Trong đó		Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo					
							Số việc tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác	Trợ giúp pháp lý							
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng số cả nước	6.461	42	69.688	11.615	58.073	9.031	42.086	6.956	2.261.970.769.086	376.995.128.181	1.884.975.640.905	285.956.957.894	2.546	5.060	16.197

Ghi chú:

Số liệu tại các cột 1, 2, 5, 6, 7, 8, 11, 12 là số liệu được tổng hợp từ báo cáo chưa đầy đủ của các Sở Tư pháp, ví dụ: tại TP Hồ Chí Minh chỉ có 877/1.891 (đạt 46,4%) tờ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động tại STP gửi báo cáo (trong đó có 197 tờ chức là số liệu kỳ 6 tháng), TP Hà Nội chỉ có 218/1.509 (đạt 14,4%) tờ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động tại STP gửi báo cáo. Theo quản lý của Bộ Tư pháp (Cục BITP), Số lượng luật sư được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư tính đến 14/12/2021 là 20.313 người.

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 24

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

	Số công chứng viên hiện 10 tháng 10 trong kỳ báo cáo (Người)	Số việc công chứng (Việc)					Số tiền nộp vào ngân sách/thuế của tổ chức hành nghề công chứng (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo)			Ghi chú		
		Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số ước tính 1 năm tính 1 năm	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo		Chia theo loại việc công chứng	Số tiền nộp vào ngân sách/thuế của tổ chức hành nghề công chứng (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo)	Số tiền phạt công chứng (Số thực hiện 10 tháng báo cáo)	Số tiền nộp vào ngân sách/thuế của tổ chức hành nghề công chứng (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo)	Số tổ chức hành nghề có báo cáo	Số công chứng viên đăng ký hành nghề theo quy định của Sở Tư pháp	Số công chứng viên đăng ký hành nghề theo quy định của Sở Tư pháp
				Tổng số	Công chứng hợp đồng, giao dịch							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
A												
Tổng số cả nước	3.046	6.264.914	1.044.152	5.220.762	5.003.907	216.855	2.171.342.682.825	292.725.050.690	1.283	1.297	3.050	

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 25

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ TỜ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 10 tháng (01/01/2021-31/10/2021);
Số ước tính: 02 tháng (01/11/2021-31/12/2021).

	Số Chi nhánh thực hiện (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo) (Tờ chức)	Số Văn phòng đại diện thực hiện (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo) (Tờ chức)	Số hòa giải viên thương mại (Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo) (Người)	Hoạt động giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại (Vụ việc)					Tổng số tiền thu được (đồng)					Tổng số tiền đã nộp thuế và nghĩa vụ tài chính (đồng)					Chi tiết						
				Số vụ việc thực hiện hòa giải (gồm kỳ trước chuyển sang)		Số vụ việc có văn bản về kết quả hòa giải thành			Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số HGVTM đăng ký hoạt động tại STP	Số HGVTM vụ việc đăng ký hoạt động tại STP	Số HGVTM vụ việc có báo cáo	Số HGVTM chức đang hoạt động tại STP
				Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo	Số thực hiện 10 tháng trong kỳ báo cáo	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính 02 tháng cuối kỳ báo cáo																	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)					
Tổng số	4	3	343	27	4	23	3	0	3	4.800.000	800.000	4.000.000	18.757.358	3.126.226	15.631.132										
I. Trung tâm hòa giải thương mại	2	0	139	19	3	16	2	0	2	4.800.000	800.000	4.000.000	13.957.358	2.326.226	11.631.132										
II. Trung tâm trọng tài có đăng ký hoạt động hòa	2	3	204	8	1	7	1	0	1	0	0	0	4.800.000	800.000	4.000.000	8	18	53	194	213					
III. Chi nhánh/Văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải nước ngoài tại Việt Nam	-	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
IV. Hòa giải viên thương mại vụ việc	-	-	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					

* Ghi chú:

0 có dấu "-": không phát sinh số liệu

Tổng số tiền đã nộp thuế và nghĩa vụ tài chính cao hơn số tiền thu được do:

- Các tờ chức thực hiện trách nhiệm nộp thuế theo quy định cũ không có doanh thu (ví dụ thuế môn bài, ...).

- Số liệu báo cáo thuế của một số tổ chức gồm cả số tiền thuế phải nộp của năm 2020 được thực hiện chậm nhất là vào ngày 31/3/2021.

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 26

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 11 tháng đối với Bộ, Ngành (01/01/2021-30/11/2021); 10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021);

Số ước tính: 01 tháng đối với Bộ, Ngành (01/12/2021-31/12/2021); 02 tháng đối với địa phương (01/11/2021-31/12/2021).

	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp (Vụ việc)											
	Tổng số			Chia ra								
	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng		Theo yêu cầu của người yêu cầu giám định		Theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức khác				
(1)	(2)	(3)	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính	Số thực hiện	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính	Số thực hiện	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số tại địa bàn cả nước	162.474	25.427	137.047	145.858	22.835	123.023	3.157	456	2.701	13.459	2.136	11.323
I. Tại các Bộ, Ngành ở Trung ương	19.826	1.652	18.174	17.696	1.475	16.221	847	71	776	1.284	107	1.177
II. Tại các địa phương	142.648	23.775	118.873	128.162	21.360	106.802	2.310	385	1.925	12.175	2.029	10.146

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 27

**TỔNG HỢP SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ ỦY THÁC TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ TẠI BỘ TƯ PHÁP
Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)**

Số thực hiện: 11 tháng (01/01/2021-30/11/2021)

Số ước tính: 01 tháng (01/12/2021-31/12/2021)

Đơn vị tính: Hồ sơ

Nội dung	Số hồ sơ tiếp nhận						Số hồ sơ có kết quả chuyển trả cơ quan yêu cầu							
	Số ước tính			Số thực hiện 11 tháng trong kỳ báo cáo			Số ước tính			Số thực hiện 11 tháng trong kỳ báo cáo				
	Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính	Tổng số	Trả lại hoàn thiện	Chuyển thực hiện		Tổng số ước tính 1 năm	Số ước tính	Tổng số	Có Điều ước quốc tế	Chưa có Điều ước quốc tế	Tổng số	Có Điều ước quốc tế	Chưa có Điều ước quốc tế
					Tổng số	Chia ra								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
A														
Tổng số	3.187	266	2.921	261	2.660	99	2.407	201	2.206	2.188	18			
1 Ủy thác tư pháp Việt Nam gửi ra nước ngoài	1.916	160	1.756	207	1.549	96	1.748	146	1.602	1.584	18			
2 Ủy thác tư pháp nước ngoài đến Việt Nam	1.271	106	1.165	54	1.111	3	659	55	604	604	0			

BỘ TƯ PHÁP

Biểu mẫu số 28

TỔNG HỢP SỐ LIỆU THÔNG KÊ VỀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL) ĐƯỢC LỒNG GHEP VĂN ĐỀ BÌNH ĐÁNG GIỚI Ồ TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Năm 2021 (từ 01/01/2021 đến 31/12/2021)

Số thực hiện: 11 tháng đối với Bộ, Ngành (01/01/2021-30/11/2021);
10 tháng đối với địa phương (01/01/2021-31/10/2021).

Tổng số	Chia theo tên VBQPPL													Đơn vị tính: văn bản		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
A																
Tổng số tại địa bàn cả nước	65	1	1	0	0	0	0	0	9	0	4	50	0	102	31	71
I. Tại các Bộ, Ngành ở Trung ương (chưa)	65	1	1	0	0	0	0	0	9	0	4	50	0	-	-	-
II. Tại các địa phương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	102	31	71

Ghi chú:

0 có dấu "0"

Số liệu không phát sinh